



EVNPECC1

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020



EVNPECC1

Hà Nội, tháng 4 năm 2021

MỤC LỤC

I.	THÔNG TIN CHUNG	3
1.	Thông tin khái quát.....	3
2.	Mô hình quản trị và tổ chức	11
3.	Định hướng phát triển	14
4.	Các rủi ro.....	15
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020	16
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	16
2.	Tình hình lao động	21
3.	Tình hình đầu tư	23
4.	Tình hình tài chính	24
5.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.....	34
6.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	34
III.	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	38
1.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	38
2.	Tình hình tài chính	38
3.	Kết quả bán đấu giá tài sản NMTĐ Sông Bung 5	39
4.	Những kết quả Công ty đã đạt được.....	39
5.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý.....	39
6.	Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021	39
7.	Vấn đề khác	40
IV.	Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	40
1.	Báo cáo tài chính hợp nhất	40
2.	Báo cáo tài chính mẹ	40
V.	ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	41
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	41
2.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.....	44
VI.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2021	44
VII.	Quản trị Công ty	45
1.	Hội đồng quản trị.....	45
2.	Ban kiểm soát	49
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.....	50
4.	Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:	51
VIII.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	51
1.	Thông tin về đơn vị kiểm toán độc lập.....	51
2.	Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính hợp nhất	52
3.	Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính Công ty mẹ	52
4.	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	53

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

1.1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên giao dịch
 - + Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1
 - + Tên tiếng Anh: Power Engineering Consulting Joint Stock Company
 - + Tên viết tắt: PECC1.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100953 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/01/2008, cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 21/01/2020.
- Vốn điều lệ: 266.913.190.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành: 26.691.319 cổ phần.
- Số lượng cổ phiếu quỹ: Không
- Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2020: 280.098.717.331 đồng
- Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: (84-4) 22148368; (84-4) 38544270
- Số fax: (84-4) 35520670; (84-4) 3854120
- Website: <http://www.pecc1.com.vn>
- Mã cổ phiếu: TV1
- Sàn giao dịch: UPCoM.

1.2. Quá trình phát triển

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 hình thành và phát triển liên tục trên 50 năm qua các giai đoạn sau:

- Viện thiết kế Tổng hợp thành lập năm 1960, đến năm 1967 được đổi tên thành Viện Quy hoạch và thiết kế điện, năm 1980 là Viện thiết kế điện
- Ngày 01/07/1982, Công ty Khảo sát và thiết kế điện được thành lập trên cơ sở hợp nhất Viện thiết kế điện, Trung tâm nghiên cứu và thiết kế thủy điện và Công ty khảo sát địa chất thủy lợi.
- Năm 1988, Công ty đổi tên thành Công ty khảo sát thiết kế điện 1; và năm 1999, đổi tên thành Công ty Tư vấn xây dựng điện 1.
- Ngày 02/01/2008 Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần với vốn điều lệ ban đầu là 100 tỷ đồng. Hiện nay, vốn điều lệ của Công ty là 266.913.190.000 đ, tương ứng 26.691.319 cổ phần; trong đó: Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 14.504.227 cổ phần, tương đương 54,34% vốn điều lệ, các cổ đông khác nắm giữ 12.187.092 cổ phần, tương đương 45,66% vốn điều lệ (riêng Người nội bộ và người có liên quan nắm giữ 854.498 cổ phần, chiếm tỷ lệ 3,201% vốn điều lệ).

Toàn bộ cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông, kể cả cổ phần do EVN nắm giữ; Công ty không có cổ phần ưu đãi. Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành là 26.691.319 cổ phiếu. Công ty không có cổ phiếu quỹ.

Số lượng cổ phiếu của Công ty đã được lưu ký tập trung tại VSD; niêm yết trên HoSE từ 14/09/2010; hủy niêm yết bắt buộc trên HoSE từ 13/06/2018 do

kiểm toán từ chối đưa ra ý kiến trên BCTC hợp nhất năm 2017. Ngay sau khi hủy niêm yết, TV1 đã đăng ký giao dịch trên Upcom từ 22/06/2018, giao dịch phiên thứ sáu hàng tuần từ 22/06/2018.

- Trả cổ tức:

+ Năm 2008: Cổ tức bằng tiền, tỷ lệ thực hiện 18% (01 cổ phiếu được nhận 1.800 đồng); tổng số tiền thanh toán cổ tức cho các cổ đông là 18.000.000.000 đồng và được chia thành 02 đợt.

+ Năm 2009: Cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ thực hiện 20%; và phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông, tỷ lệ thực hiện 54%.

+ Năm 2010: Cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ thực hiện 15%.

+ Năm 2011: Cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ thực hiện 15%.

+ Năm 2012: Cổ tức bằng tiền, tỷ lệ thực hiện 12% (01 cổ phiếu được nhận 1.200 đồng); tổng số tiền thanh toán cổ tức cho các cổ đông là 27.612.643.200 đồng.

+ Năm 2013: Cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ thực hiện 16%.

+ Năm 2014: Cổ tức bằng tiền, tỷ lệ thực hiện 15% (01 cổ phiếu được nhận 1.500 đồng); tổng số tiền thanh toán cổ tức cho các cổ đông là 40.036.978.500 đồng.

+ Năm 2015: Cổ tức bằng tiền, tỷ lệ thực hiện 10,5% (01 cổ phiếu được nhận 1.050 đồng); tổng số tiền thanh toán cổ tức cho các cổ đông là 28.025.884.950 đồng.

+ Không phân phối lợi nhuận năm 2016, năm 2017, năm 2018, năm 2019 và năm 2020.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Khảo sát, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; lập quy hoạch công trình năng lượng; tư vấn, thiết kế, quản lý dự án, thẩm tra, giám sát thi công xây dựng và lắp đặt; tổng thầu thiết kế, xây dựng, mua sắm và cung cấp thiết bị; quan trắc, kiểm định chất lượng công trình; lập, thẩm tra, đánh giá, giám sát môi trường đối với: Công trình dân dụng, Công trình công nghiệp, Công trình năng lượng, Công trình hạ tầng kỹ thuật, Công trình giao thông, Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, Công trình xử lý môi trường.

- Đầu tư xây dựng công trình và kinh doanh bất động sản;

- Đầu tư, sản xuất, kinh doanh điện năng.

Công ty là doanh nghiệp tư vấn hàng đầu của Ngành điện Việt Nam, đã và đang thực hiện toàn bộ công tác tư vấn thiết kế, khảo sát, thí nghiệm... và là tư vấn chính cho nhiều dự án công trình điện quan trọng, quy mô lớn, phức tạp của Việt Nam cũng như ở CHDCND Lào, Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Cameroon...

1.4. Các công ty con

PECC1 sở hữu 100% vốn điều lệ của 04 MTV, gồm:

- Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 1 (MTV1), địa điểm kinh doanh tại quận Hà Đông, TP.Hà Nội;

- Công ty TNHH MTV Khảo sát Xây dựng Điện 2 (MTV2), địa điểm kinh doanh tại TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai;
- Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Điện 3 Đà Nẵng (MTV3), địa điểm kinh doanh tại quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng;
- Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 4 (MTV4), địa điểm kinh doanh tại quận Thanh Xuân, TP.Hà Nội.

Cơ cấu đầu tư góp vốn của PECC1 tại các MTV như sau:

Bảng 1 - Cơ cấu đầu tư, sở hữu vốn

Tên Công ty	Vốn điều lệ (đồng)	Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2020 (đồng)	VCSH so VDL (đồng)	Tỷ lệ (%)
MTV 1	17.102.000.000	18.462.183.787	1.360.183.787	7,953%
MTV 2	4.870.000.000	5.650.917.519	780.917.519	16,035%
MTV 3	6.517.000.000	4.464.352.514	-2.052.647.486	-31,497%
MTV 4	6.060.000.000	7.434.057.211	1.374.057.211	22,674%
Tổng	34.549.000.000	36.011.511.031	1.462.511.031	15,166%

1.5. Năng lực và vị thế của Công ty

Đội ngũ chuyên gia và kỹ sư của Công ty có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm, được thử thách từ thực tế các dự án trong nước, quốc tế và có nhiều thời gian làm việc với chuyên gia kỹ thuật chuyên sâu của các công ty tư vấn nổi tiếng quốc tế.

Công ty luôn đi đầu ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến của thế giới, ứng dụng các phần mềm tính toán hiện đại, đổi mới các thiết bị thí nghiệm vào công tác tư vấn thiết kế các công trình, đặc biệt là công trình ở vùng có động đất mạnh, địa chất phức tạp, hồ chứa có dung tích nước lớn, nhà máy điện ngầm và hờ với công suất lớn. Tiêu biểu là:

- Áp dụng công nghệ đập đá đổ bản mặt bê tông cho dự án thủy điện Tuyên Quang (là công nghệ mới được áp dụng đầu tiên tại Việt Nam), góp phần đưa hạng mục hồ chứa vào vận hành sớm 2 năm và giảm chi phí hàng trăm tỉ đồng.
- Áp dụng công nghệ bê tông đầm lăn (RCC) cho đập thủy điện Sơn La, cho phép đưa tổ máy số 1 vào vận hành sớm 2 năm và hoàn thành công trình sớm 3 năm so với kế hoạch được duyệt... Công nghệ RCC cũng đã được Công ty áp dụng thi công cho các đập thủy điện Pleikrông, Bản Vẽ, Bản Chát, Lai Châu và một số thủy điện khác;
- Tính toán lựa chọn tối ưu các công nghệ lò hơi cho các nhà máy nhiệt điện phù hợp với đặc thù chất lượng than Việt Nam và thế giới, đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường;
- Chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học “Lập thiết kế kỹ thuật cho nhà máy nhiệt điện đốt than có công suất tổ máy đến khoảng 600MW” do Bộ Khoa học và Công nghệ giao;

- Tính toán phân tích hệ thống, lựa chọn thiết bị đồng bộ cho thiết kế đường dây, trạm biến áp, nhà máy điện có điện áp đến 500kV, thiết kế trạm GIS điện áp đến 500kV;
- Sử dụng các thiết bị hiện đại có độ chính xác cao trong công tác khảo sát địa hình, địa chất, địa vật lý để phục vụ tính toán động đất và thiết kế công trình;
- Công tác nghiên cứu, thí nghiệm vật liệu bê tông có bước đột phá, đã áp dụng kinh nghiệm và các tiêu chuẩn của các nước tiên tiến trong việc lựa chọn cấp phối liên tục, cho phép khắc phục những khó khăn về kỹ thuật để đổ bê tông khối lớn với tốc độ nhanh, đáp ứng yêu cầu an toàn, kinh tế và giảm thời gian xây dựng

Các dự án do Công ty thực hiện luôn đáp ứng tiến độ, đảm bảo chất lượng, góp phần kịp thời cung cấp nguồn điện năng phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Công ty đã được Nhà nước trao tặng Danh hiệu anh hùng lao động, Huân chương độc lập hạng nhì, nhiều Huân chương lao động và nhiều bằng khen, cờ thi đua của Chính phủ, Bộ Công thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Ngoài ra, Công ty còn thực hiện đầu tư Nhà máy thủy điện Sông Bung 5 với hình thức Xây dựng-Sở hữu-Kinh doanh. Nhà máy được xây dựng trên Sông Bung thuộc địa phận huyện Nam Giang và Đông Giang tỉnh Quảng Nam với công suất 57MW. Tổ máy số 1 phát điện thương mại từ ngày 28/12/2012; tổ máy số 2 phát điện thương mại từ ngày 19/07/2013.

Cùng với sự phát triển của đất nước, Công ty tiếp tục tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đổi mới trang thiết bị công nghệ, đầu tư nguồn lực để thực hiện các dự án điện nhằm cung cấp dịch vụ kỹ thuật tốt nhất cho khách hàng.

1.6. Các danh hiệu được Nhà nước trao tặng

- 01 Danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới;
- 01 Huân chương Độc lập hạng nhì;
- 32 Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba;
- 248 bằng khen của Thủ tướng, Bộ, ngành, và nhiều cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ và EVN.



PECCI được Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng trao Huân chương Lao động hạng Nhì



Giải thưởng “Công trình chất lượng cao” của Bộ Xây dựng cho PECCI và các cá nhân có thành tích xuất sắc thuộc dự án thủy điện Lai Châu

1.7. Các dự án điển hình

- Dự án thủy điện: Thủy điện Sơn La công suất 2400 MW, đập bê tông đầm lăn cao 138m; Bản Vẽ công suất 320MW, đập bê tông đầm lăn cao 137m; Tuyên Quang công suất 342MW, đập đá đổ bản mặt bê tông cao 92m; Lai Châu công suất 1200MW, đập bê tông đầm lăn cao 137m; Luangprabang trên dòng chính sông MeKông (Lào), công suất 1100MW; Hạ Sê San 2 (Campuchia), công suất 400MW; thủy điện Hòa Bình mở rộng, thủy điện Yali mở rộng, Thủy điện Nam Emoun (Lào) ...

- Dự án hồ chứa nước, thủy lợi: hồ chứa nước Đập Hàn, Nước Trong, Đồng Mít, Bản Lải...; dự án thủy lợi Ngòi Giàng, Cánh Tạng...
- Các dự án nhiệt điện khí LNG Quảng Trị, LNG Quảng Ninh...;
- Các dự án năng lượng tái tạo: điện mặt trời Hồng Phong 1A, 1B, Mũi Né, AMI Khánh Hòa, nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt phát điện Sóc Sơn, nhà máy xử lý chất thải công nghiệp và y tế tỉnh Thái Nguyên, các dự án trang trại điện gió, nhà máy điện gió, điện sinh khối...
- Dự án nhiệt điện: Uông Bí MR1, 2 tổng công suất 600MW; Quảng Ninh 1,2 tổng công suất 1200MW; Thái Bình 1 công suất 600MW; Thái Bình 2 công suất 1200MW; Dung Quất công suất 1200 MW; Mông Dương 1 công suất 1080 MW; Mông Dương 2 công suất 1120 MW; Nghi Sơn 1 công suất 600 MW; Nghi Sơn 2 công suất 1200MW; Quỳnh lập 2, TBKHH Dung Quất I, II, III,...;
- Dự án lưới điện: đường dây và trạm đồng bộ 500kV Bắc Nam mạch 1, 2; đường dây 500 kV Sơn La-Lai Châu; đường dây 500/220kV Hiệp Hòa-Đông Anh-Bắc Ninh 2; đường dây 500/220 kV Nho Quan-Phủ Lý-Thường Tín; đường dây 500Kv Quảng Trạch-Dốc Sỏi; đường dây 500 kV Hatxan-Pleiku; đường dây 500kV Tuabin khí miền Trung-Krông Buk; dự án nâng cấp hệ thống điều khiển, bảo vệ các TBA 500 kV, 220 kV khu vực miền Bắc; Đường dây 220kV nhiệt điện Hải Dương-Trạm 500kV Phó Nối; TBA 500 kV Phó Nối; nâng công suất TBA 500 kV Sơn La và nhiều đường dây, trạm 500 kV, 220kV, 110kV...



Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng cùng đoàn công tác Chính phủ đi kiểm tra thực địa công trình thủy điện Hòa Bình mở rộng



Thủy điện Sơn La (khánh thành ngày 23/12/2012)



Thủy điện Lai Châu (khánh thành ngày 20/12/2016)



Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1



Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2



Đường dây 500kV Sơn La – Hòa Bình – Nho Quan



Đường dây 500kV Bắc – Nam (mạch 1)



Trạm biến áp 500kV Pleiku



Trạm biến áp 500kV Sơn La

2. Mô hình quản trị và tổ chức

2.1. Mô hình quản trị

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 tổ chức và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

Hội đồng quản trị



NGUYỄN TÀI ANH
CHỦ TỊCH HĐQT



PHẠM NGUYỄN HÙNG
Thành viên



NGUYỄN HỮU CHÍNH
Thành viên



TRẦN THÁI HẢI
Thành viên



NGUYỄN ĐỨC TUẤN
Thành viên



NGUYỄN ĐỨC THÀNH
Thành viên độc lập

- Ông Nguyễn Tài Anh được bầu giữ chức Chủ tịch HĐQT từ ngày 30/06/2020.
- Ông Phạm Nguyễn Hùng: miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT từ ngày 30/06/2020.
- Ông Nguyễn Hữu Chính: miễn nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 30/06/2020.

Ban Tổng Giám đốc



PHẠM NGUYỄN HÙNG
Tổng Giám Đốc



ĐẶNG HOÀNG CẨM
Phó Tổng Giám Đốc

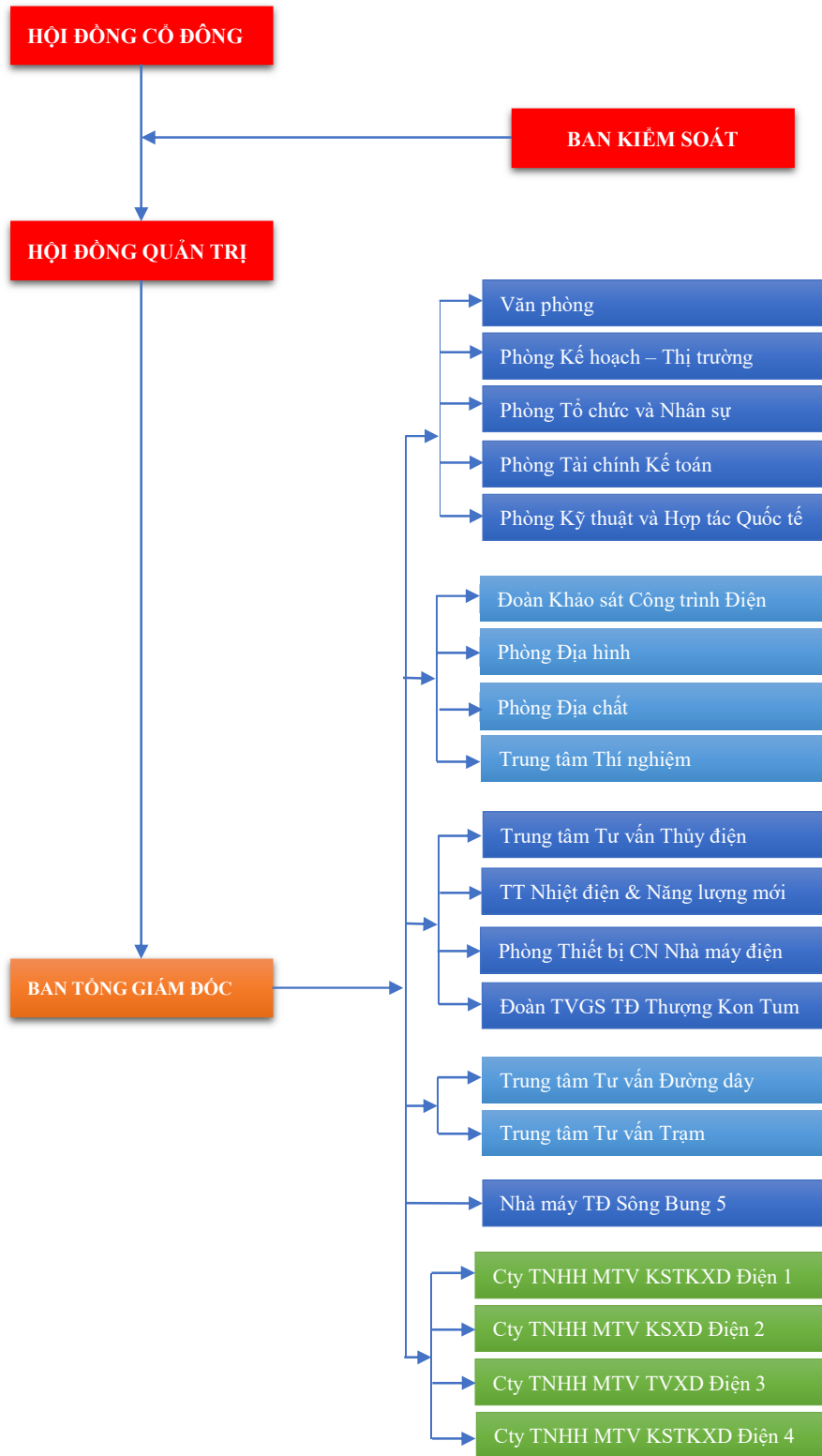


NGUYỄN HỮU CHÍNH
Phó Tổng Giám Đốc



LÊ MINH TUẤN
Phó Tổng Giám Đốc

2.2. Sơ đồ tổ chức



3. Định hướng phát triển

3.1. Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của công ty

Tầm nhìn

Nỗ lực đổi mới vươn lên trở thành công ty tư vấn chuyên nghiệp, uy tín trong lĩnh vực năng lượng, xây dựng công nghiệp, hạ tầng tại Việt Nam và khu vực.

Sứ mệnh của PECC1

+ **Với khách hàng:** PECC1 cam kết đem đến các giải pháp hiệu quả cho khách hàng bằng đội ngũ tư vấn năng lực và sáng tạo, đóng góp vào sự phát triển bền vững của ngành năng lượng và đất nước.

+ **Với người lao động:** PECC1 cam kết cung cấp các chế độ đãi ngộ tương xứng với năng lực và đóng góp, tạo các cơ hội phát triển công bằng cho cán bộ nhân viên.

+ **Với cổ đông:** PECC1 cam kết gia tăng giá trị đầu tư cho các cổ đông bằng chiến lược phát triển bền vững.

Giá trị cốt lõi của PECC1

+ **Tiên phong:** tiên phong trong đổi mới và ứng dụng kỹ thuật công nghệ để tạo ra năng lực cạnh tranh vượt trội.

+ **Sáng tạo:** chủ động tư duy khác biệt nhằm tạo ra giải pháp tối ưu cho các vấn đề của khách hàng và Công ty.

+ **Tín nhiệm:** lòng tin của khách hàng làm nên sức mạnh thương hiệu, trung thực và đoàn kết nội bộ tạo nên thành công.

+ **Trách nhiệm:** là nền tảng xây dựng mối quan hệ giữa các thành viên trong PECC1 và đối với khách hàng.

+ **Hiệu quả:** định hướng hiệu quả là thước đo cuối cùng của giá trị công việc nhằm gia tăng lợi ích tối đa cho khách hàng, người lao động và cổ đông của Công ty.

3.2. Định hướng phát triển

- Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư của chủ sở hữu; nâng cao năng lực quản trị để Công ty phát triển bền vững và trở thành công ty tư vấn hàng đầu trong nước và khu vực.

- Các lĩnh vực tập trung phát triển

+ Lĩnh vực kinh doanh chính: Tư vấn xây dựng điện, bao gồm công tác khảo sát, thiết kế, giám sát và tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, nhiệt điện, lưới điện và năng lượng tái tạo.

+ Lĩnh vực kinh doanh có liên quan: quản lý dự án, tham gia EPC các dự án nguồn và lưới điện, tư vấn công trình thủy; tư vấn thiết kế chế tạo các thiết bị điện.

+ Lĩnh vực nghiên cứu, phát triển: Thị trường năng lượng sơ cấp, tối ưu các dạng năng lượng sơ cấp; thị trường bán buôn và bán lẻ điện cạnh tranh; thủy điện cột nước thấp; điện thủy triều; an toàn đập; ứng dụng KH-CN trong điều hành bậc thang thủy điện; xây dựng đập điều hoà tăng hiệu quả sử dụng nước phục vụ nông nghiệp; xây dựng bản đồ ngập lụt hạ du trong tình huống xả lũ khẩn cấp và vỡ đập các công trình thủy điện; điện sinh khối, địa nhiệt; xây dựng quy trình chuẩn về sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện, nhiệt điện theo điều kiện và độ

tin cậy của thiết bị; chiến lược phát triển hệ thống điện; ổn định hệ thống; công nghệ nối lưới và ổn định hệ thống khi tích hợp các nguồn năng lượng tái tạo vào hệ thống điện quốc gia; vận hành ổn định các nguồn năng lượng mới và tái tạo; các giải pháp đảm bảo an toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động cho các công trình nguồn và lưới điện; kết nối lưới điện khu vực; trạm số; lưới điện thông minh, trạm biến áp ngầm trong khu đô thị; nâng công suất trạm biến áp trong thành phố lớn.

4. Các rủi ro

4.1. Rủi ro về tài chính

- Lĩnh vực tư vấn khảo sát, thiết kế là giai đoạn đầu của công tác đầu tư xây dựng phát triển các dự án nguồn và lưới điện, Công ty chịu rủi ro về chiếm dụng vốn do các chủ đầu tư thanh toán chậm vì nhiều lý do, trong đó lý do lớn nhất là chủ đầu tư chưa và/hoặc không sắp xếp đủ vốn cho dự án; mặt khác Công ty phải vay nhiều để đầu tư dự án nhà máy thủy điện Sông Bung 5, trả lương người lao động và tài trợ vốn lưu động trong hoạt động kinh doanh. Hệ quả là Công ty phải thường xuyên duy trì hệ số nợ ở mức rất cao. Việc duy trì hệ số nợ cao, lượng hàng tồn kho lớn, nợ phải thu nhiều sẽ làm tăng chi phí tài chính và giảm lợi nhuận, ảnh hưởng đến khả năng cân đối tài chính của Công ty nhất là trong việc trả gốc và lãi vay khi đến hạn.

- Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính do Thông tư 200 cũng như các quy định hiện hành chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

- Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền vì Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này.

4.2. Rủi ro về luật pháp

Hiện tại hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán (dưới góc độ là công ty đại chúng quy mô lớn) và các quy định pháp luật khác. Trong quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng với nền kinh tế thế giới, Việt Nam sẽ phải cải tổ từng bước hành lang pháp lý cho phù hợp với thông lệ quốc tế. Do vậy những biến động trong quá trình chỉnh sửa các văn bản pháp luật có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

4.3. Rủi ro khác

- Công ty phải đối mặt với những cạnh tranh lớn trên thị trường khi có sự tham gia của nhiều doanh nghiệp tư vấn cùng hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tư vấn điện.

- Công ty mới bắt đầu gia nhập vào thị trường tư vấn điện trong khu vực cũng như quốc tế, do đó khả năng cạnh tranh tiềm ẩn cơ hội để mở rộng thị trường vẫn hạn chế.

- Việc gia tăng khối lượng vốn và cổ phiếu, trong khi doanh thu và thu nhập của Công ty không tăng theo tốc độ tương ứng cũng sẽ gây ảnh hưởng nhất định tới hiệu quả hoạt động của Công ty.

- Đối với các công ty hoạt động tư vấn nói chung và tư vấn điện nói riêng, rủi ro về nguồn nhân lực, rủi ro về chảy máu chất xám là một trong những rủi ro rất lớn hiện nay.

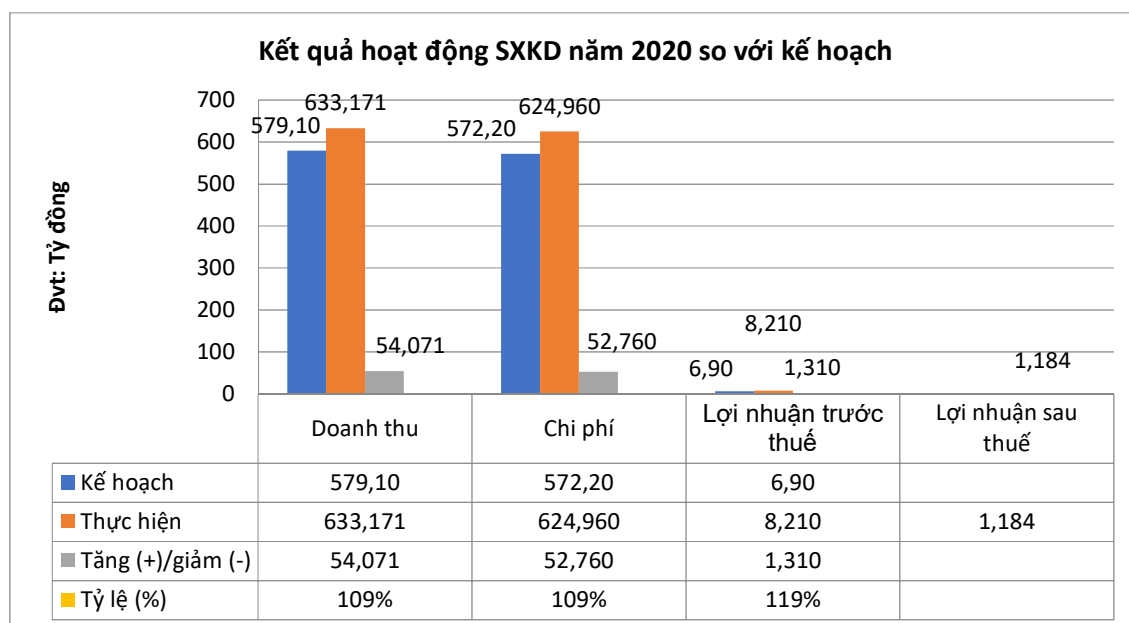
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 2- Kết quả hoạt động SXKD năm 2020 so với kế hoạch

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tăng/ giảm	Tỷ lệ (%)
I	Tổng doanh thu	579,100	633,171	54,071	9,34%
1	Doanh thu hoạt động SXKD chính	579,100	631,827	52,727	9,11%
-	Doanh thu Khảo sát, thiết kế, xây lắp	475,900	453,317	-22,583	-4,75%
-	Doanh thu bán điện Sông Bung 5	103,200	178,511	75,311	72,98%
2	Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác		1,343		
II	Tổng chi phí	572,200	624,960	52,760	9,22%
III	Tổng Lợi nhuận trước thuế	6,900	8,210	1,310	18,99%
IV	Lợi nhuận sau thuế		1,184		
V	Mức cổ tức				



Bảng 3. Chi tiết kết quả hoạt động SXKD năm 2020

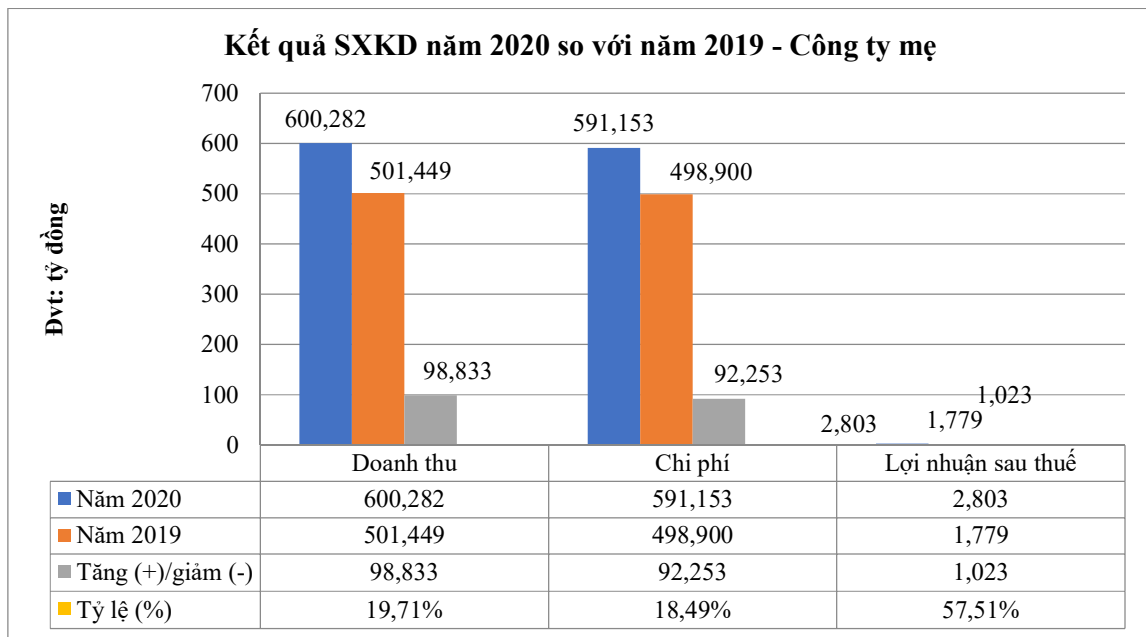
Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Mẹ	MTV1	MTV2	MTV3	MTV4	Bù trừ	Hợp nhất
1. Tổng doanh thu	600,282	6,489	30,072	0,543	8,669	-12,885	633,171
2. Chi phí	591,153	6,450	28,578	2,077	8,629	-11,926	624,960
<i>Trong đó:</i>							
- Giá vốn hàng bán	475,667	4,589	24,809	0,469	7,416	-11,926	501,024
- Chi phí bán hàng	1,791						1,791
- Chi phí tài chính (lãi vay)	77,548	0,395	1,424	0,058	0,115		79,539
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	32,901	0,842	2,310	0,400	1,096		37,549
- Chi phí khác	3,245	0,624	0,035	1,149	0,003		5,057
3. Lợi nhuận sau thuế	2,803	-0,067	0,931	-1,552	0,027	-0,958	1,184

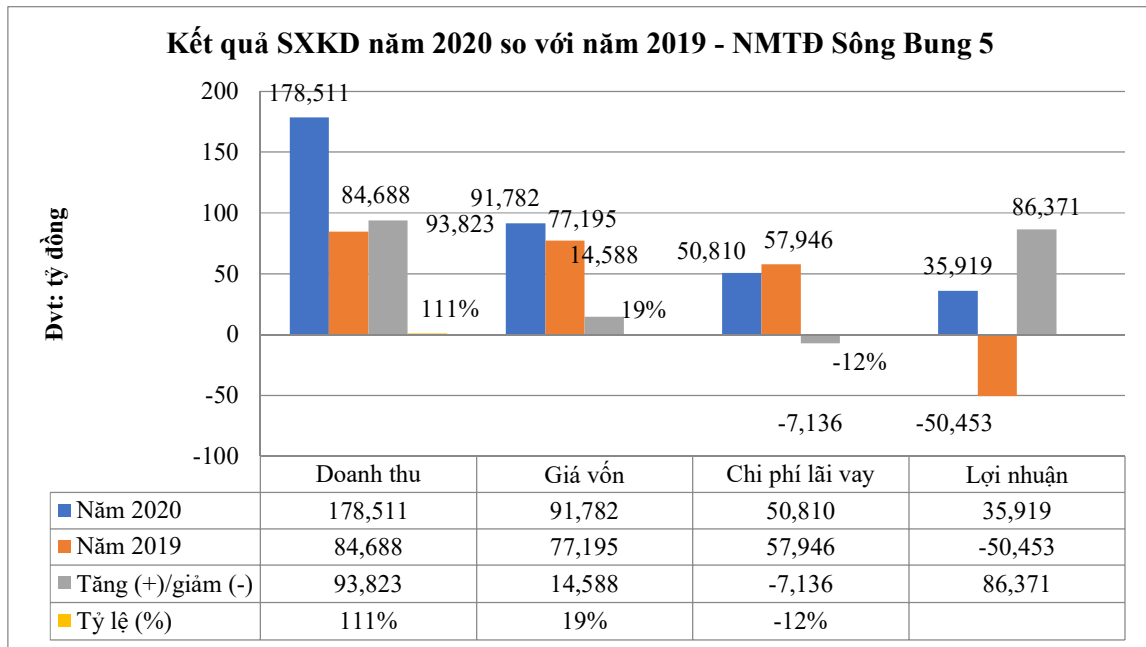
Bảng 4- Kết quả hoạt động SXKD năm 2020 so với năm 2019

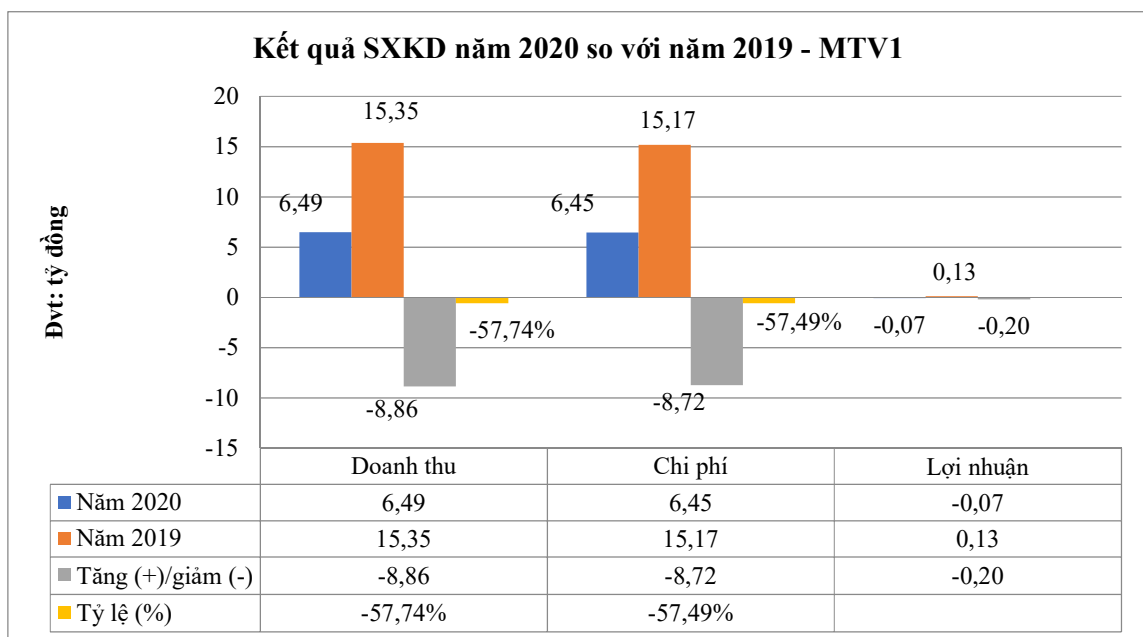
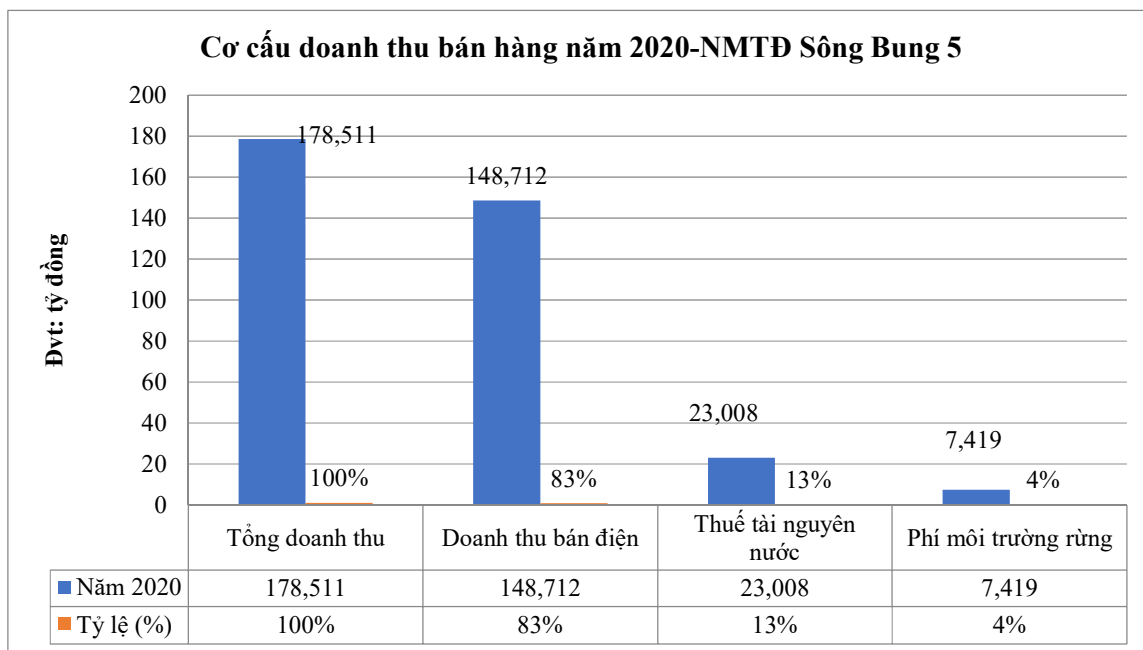
Đơn vị: Tỷ đồng

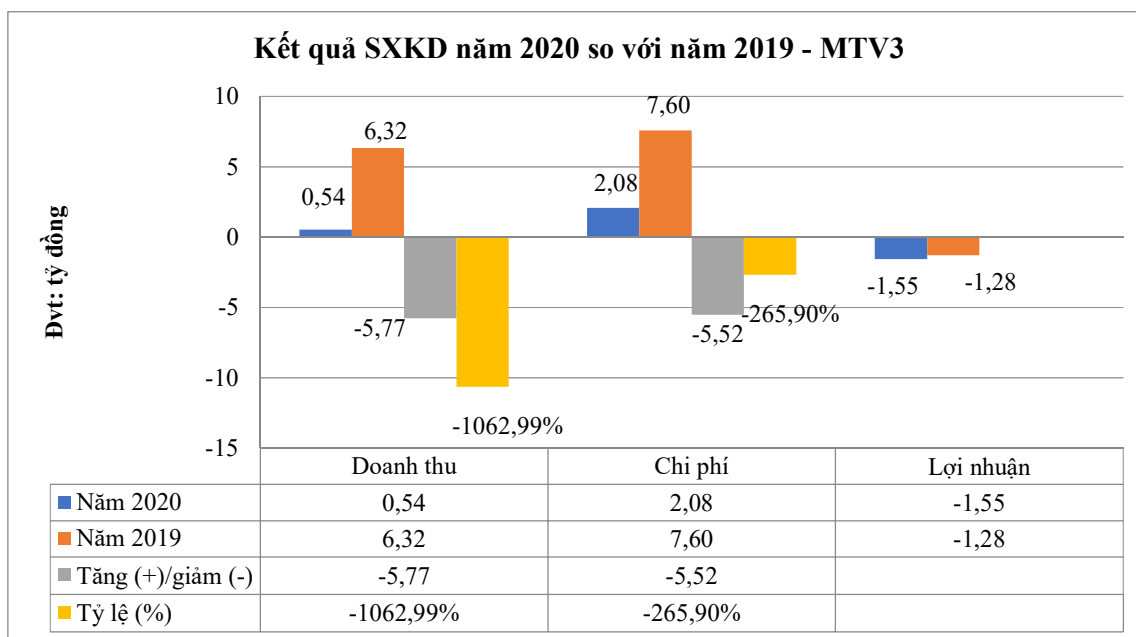
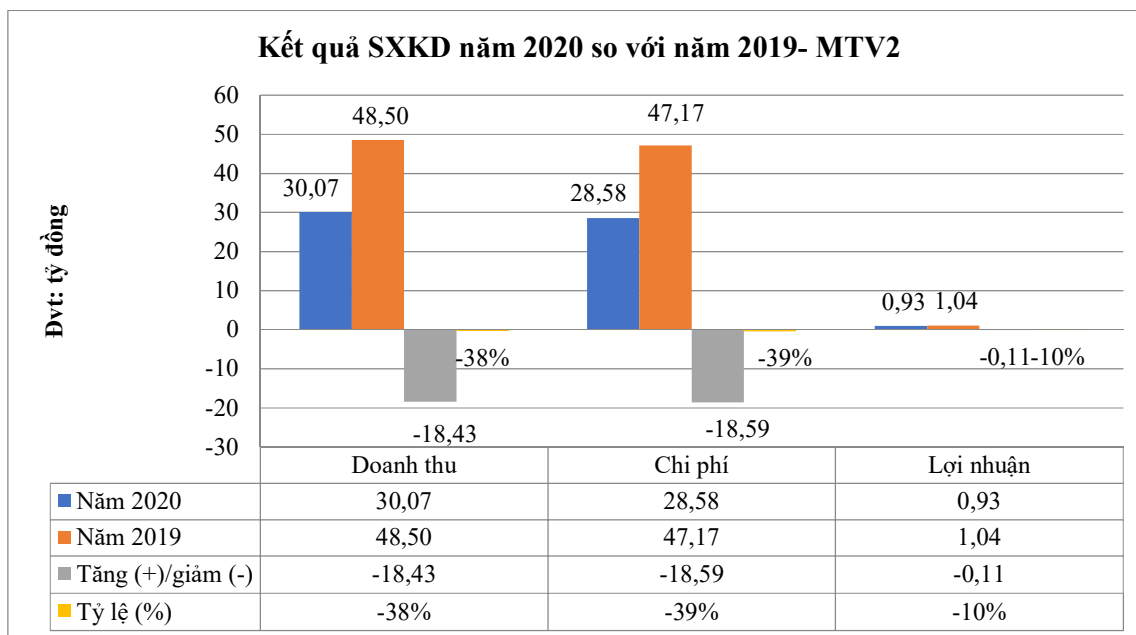
TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Thực hiện 2019	Tăng/giảm	Tỷ lệ
I	Tổng doanh thu	633,171	562,506	70,664	14,81%
1	Doanh thu hoạt động SXKD chính	631,827	560,606	71,222	12,70%
-	Doanh thu Khảo sát, thiết kế, xây lắp	453,317	475,918	-22,601	-4,75%
	<i>Trong đó: Doanh thu từ EVN</i>	<i>316,7</i>	<i>280,13</i>		
-	Doanh thu bán điện Sông Bung 5	178,511	84,688	93,823	110,79%
2	Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	1,343	1,901		
II	Tổng chi phí	624,960	560,821	64,139	11,44%
III	Tổng Lợi nhuận trước thuế	8,210	1,685	6,525	387,26%
IV	Lợi nhuận sau thuế	1,184	0,497	0,687	138,15%
V	Mức cổ tức				

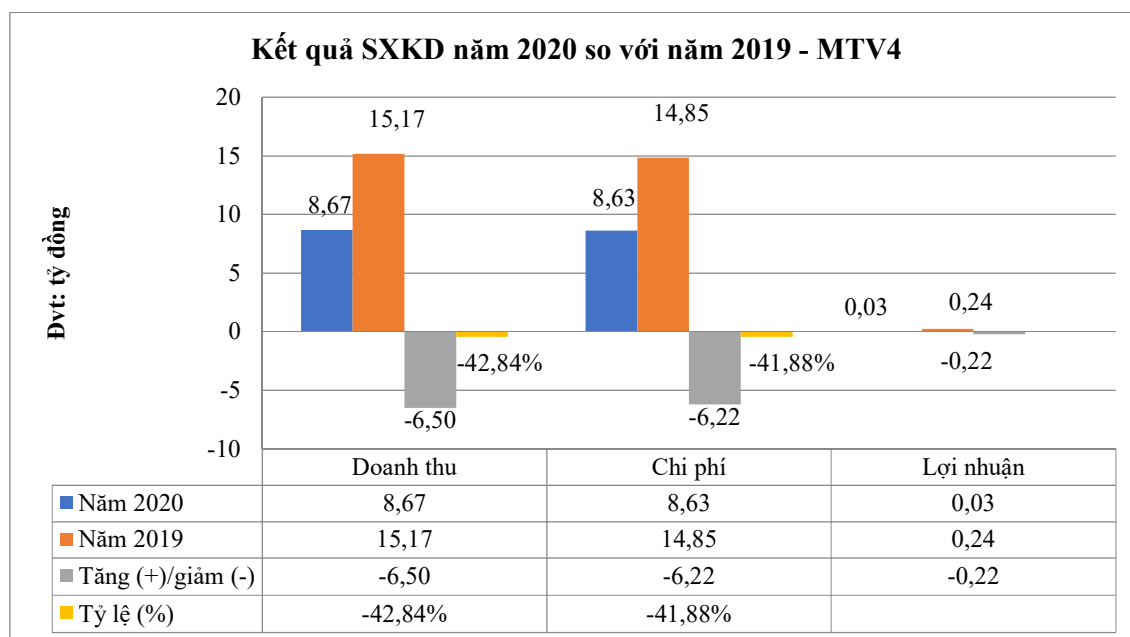


Năm 2020, giá trị các hợp đồng ký mới đạt 396,668 tỷ đồng, giảm 192,001 tỷ đồng về mặt giá trị, tương ứng với mức giảm là 32,62% so với năm 2019 (588,669 tỷ đồng).



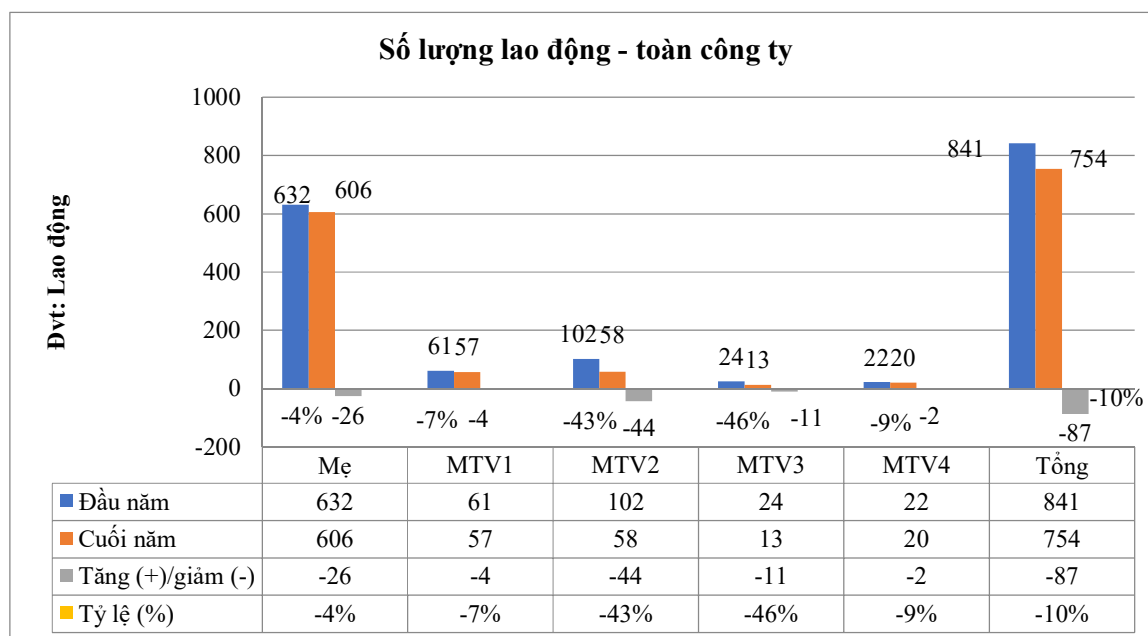




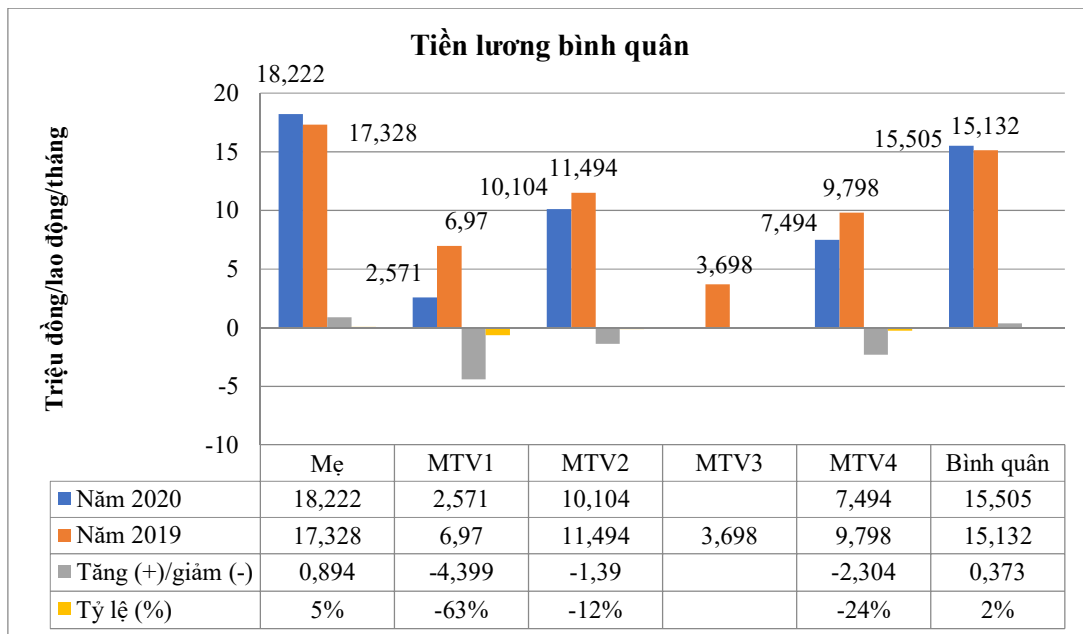
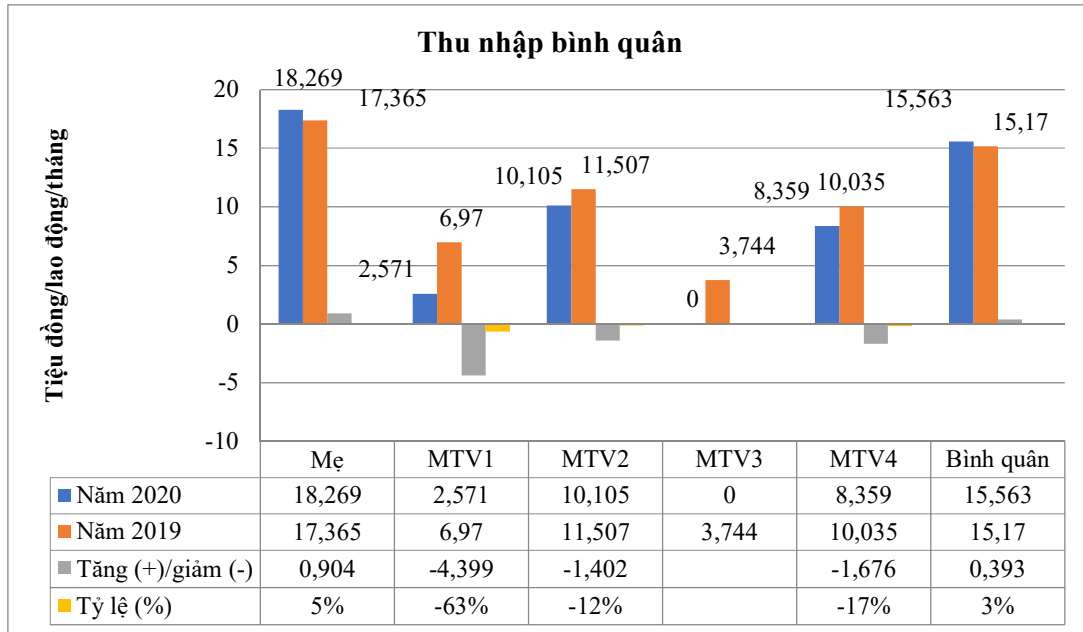


2. Tình hình lao động

a. Số lượng



b. Thu nhập



Đóng góp của Công ty về BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ (tỷ đồng)

Me	MTV1	MTV2	MTV3	MTV4	Cộng
11,538	1,232	1,145	0,389	0,439	14,744

Tiền lương đã trả người lao động trong năm 2020 (tỷ đồng)

Stt	Nội dung	Năm 2014	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Cộng
1	Thanh toán tiền lương còn nợ trước năm 2020	15,5230	2,7082	2,6377	19,3008		40,1697
2	Thanh toán lương năm 2020					74,7427	74,7427
3	Lương cá nhân nghỉ hưu, lương nhóm						5,2755
	Tổng cộng						120,1880

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (tỷ đồng)

Diễn giải	Mẹ		4 MTV		Điều chỉnh số phải nộp trong năm	Hợp nhất	
	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm
- Thuế giá trị gia tăng	48,770	58,659	2,619	3,931		51,389	62,589
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5,623	1,302	1,180	0,568	-0,236	6,566	1,869
- Thuế thu nhập cá nhân	4,232	4,207	0,241	0,301		4,473	4,508
- Thuế tài nguyên	16,917	14,506	0,000	0,000		16,917	14,506
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1,320	1,321	0,213	0,279		1,533	1,601
- Các loại thuế khác	0,491		0,007	0,007		0,498	0,007
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	11,572	10,397	0,217	0,004		11,789	10,401
Cộng	88,924	90,392	4,478	5,090	-0,236	93,165	95,482

3. Tình hình đầu tư

3.1. Đầu tư dự án, đầu tư tài chính

Năm 2020, Công ty không thực hiện đầu tư dự án, đầu tư tài chính.

3.2. Kết quả đầu tư tại các công ty con

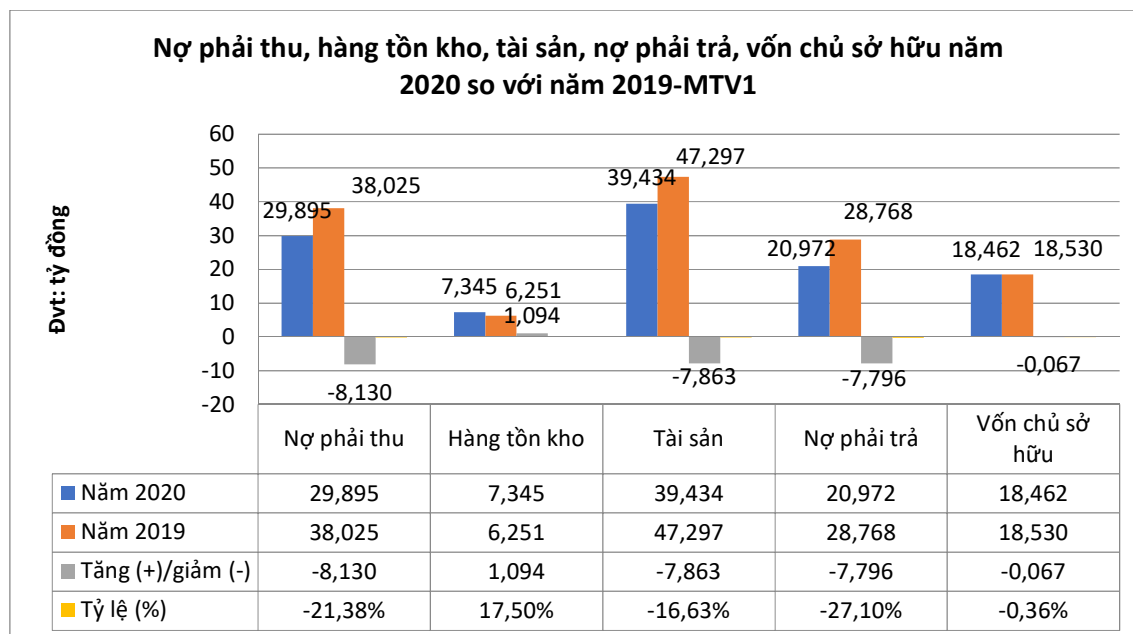
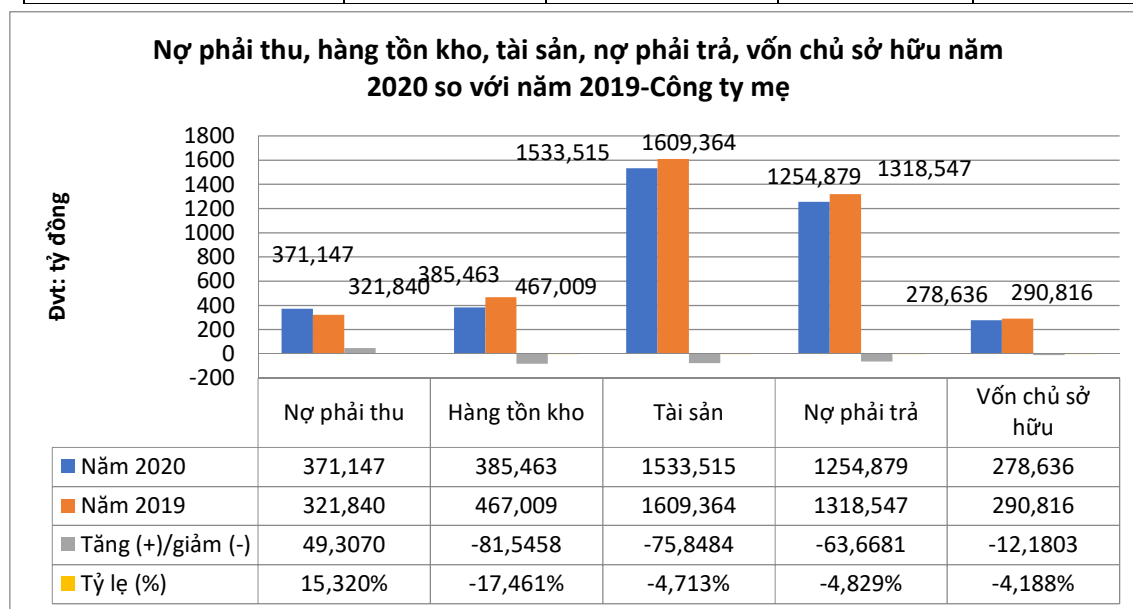
Bảng 6- Kết quả đầu tư vào các công ty con

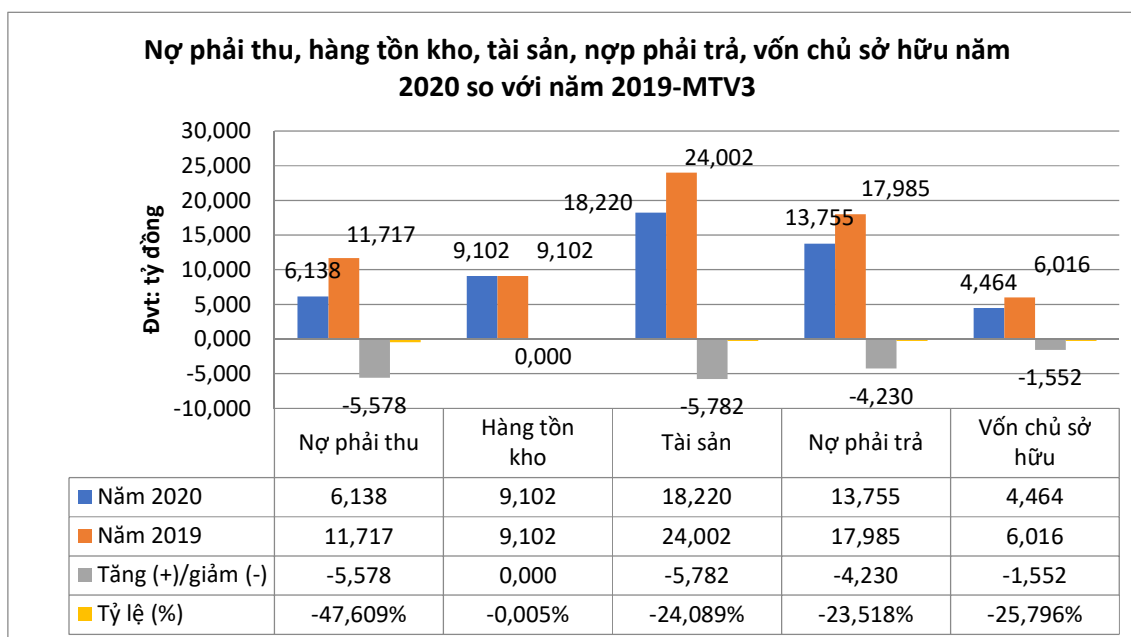
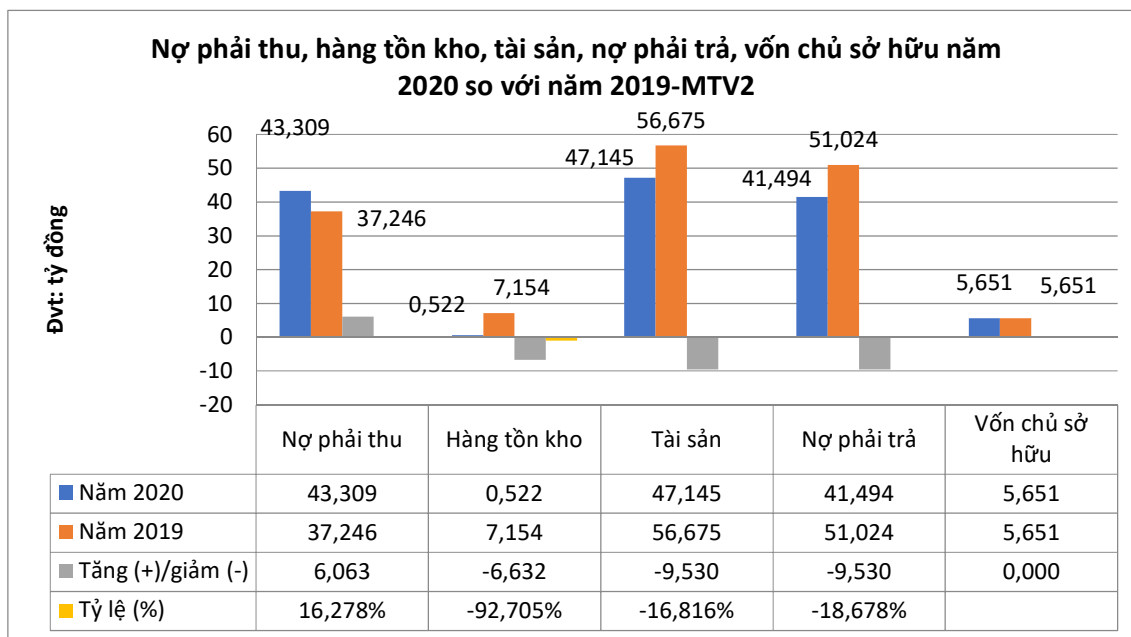
TT	Các công ty con	Vốn điều lệ thực góp (tỷ đồng)	Tỷ lệ/ vốn điều lệ (%)	Lợi nhuận sau thuế 2020	
				Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ lệ/vốn điều lệ (%)
1	MTV1	17,102	100	-0,067	-0,39%
2	MTV2	4,87	100	0,931	19,11%
3	MTV3	6,517	100	-1,552	-23,81%
4	MTV4	6,06	100	0,027	0,45%
	Cộng	34,549		-0,661	-1,91%

4. Tình hình tài chính

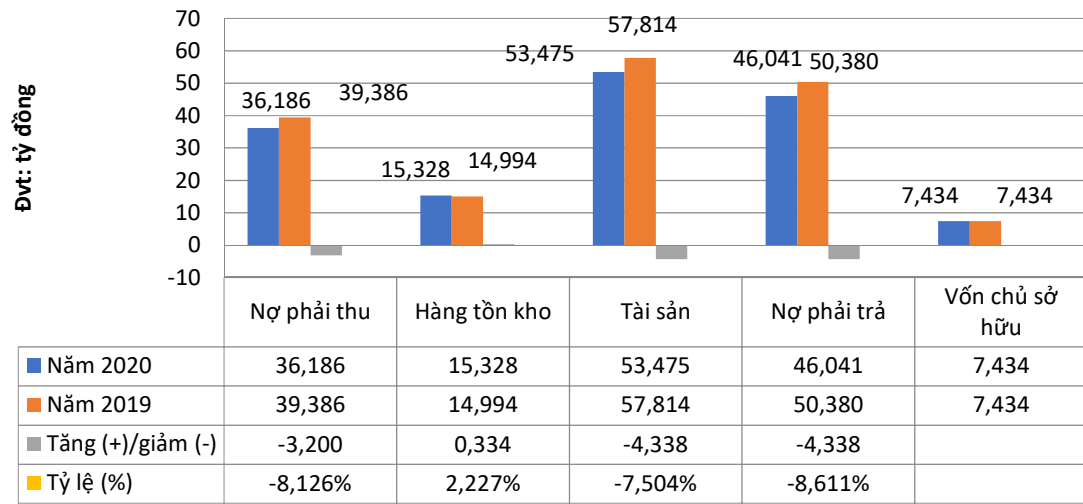
Bảng 7- Tài sản, công nợ, hàng tồn kho, vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Năm 2020 (tỷ đồng)	Năm 2019 (tỷ đồng)	Tăng/giảm	
			Giá trị	Tỷ lệ %
1. Nợ phải thu	431,680	382,825	48,919	12,78%
2. Hàng tồn kho	417,759	504,510	-86,751	-17,20%
3. Tài sản	1.602,245	1.695,150	-92,904	-5,48%
4. Nợ phải trả	1.321,979	1.401,251	-79,272	-5,66%
5. Vốn chủ sở hữu	280,266	293,898	-13,632	-4,64%

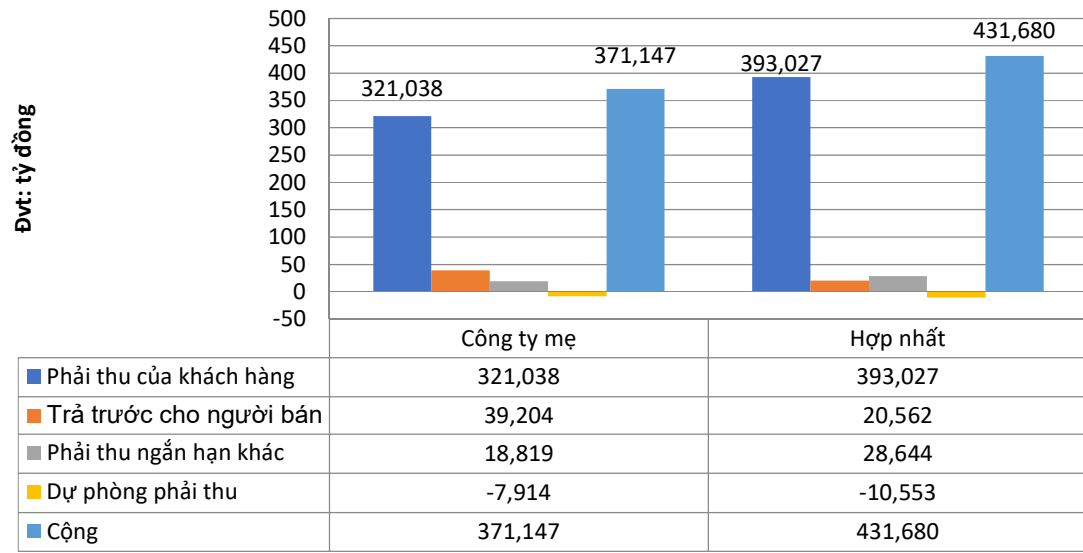


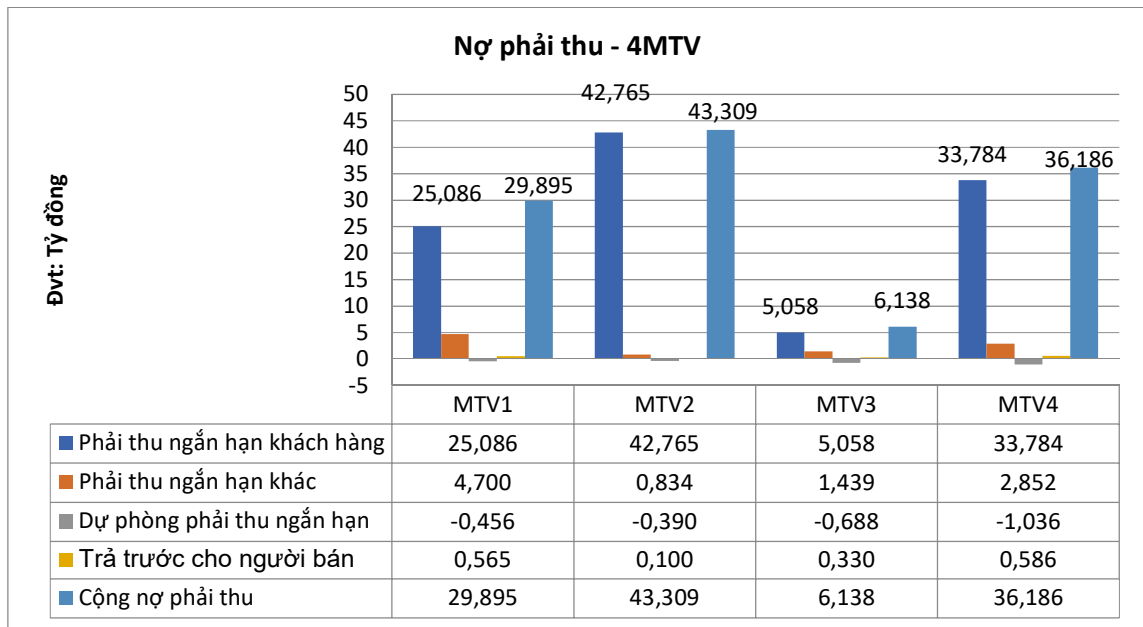
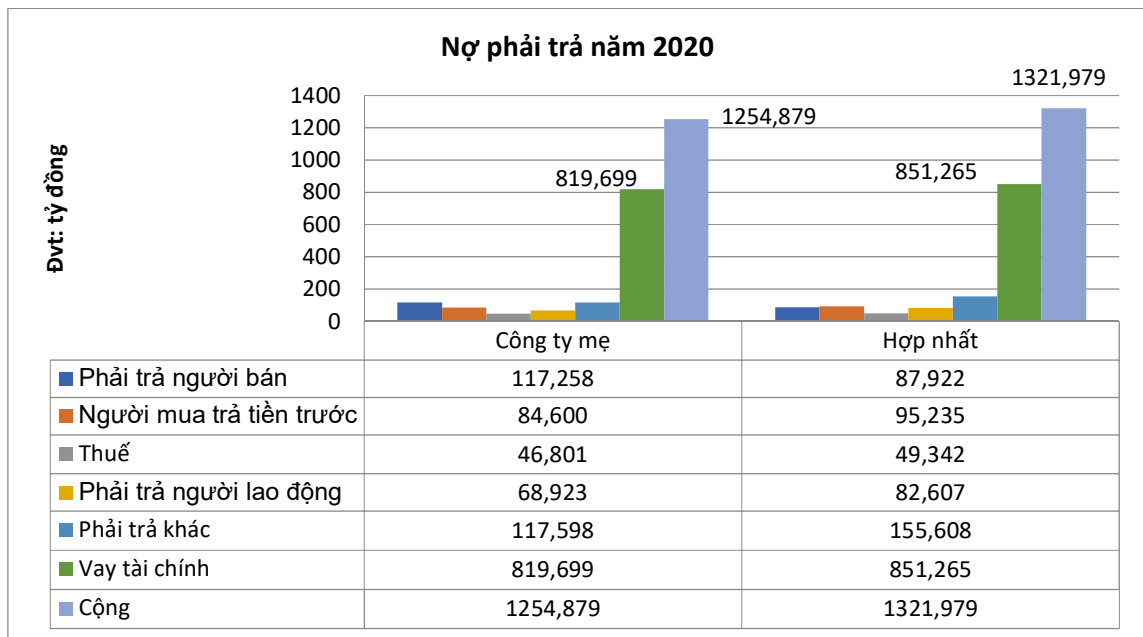


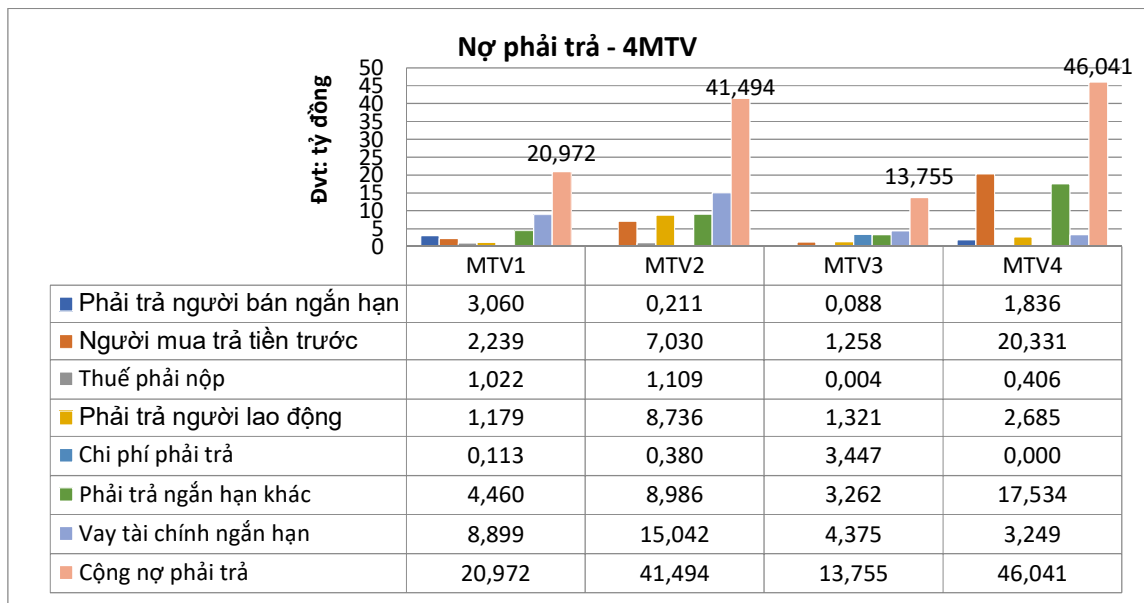
Nợ phải thu, hàng tồn kho, tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu năm 2020 so với năm 2019-MTV4



Nợ phải thu năm 2020



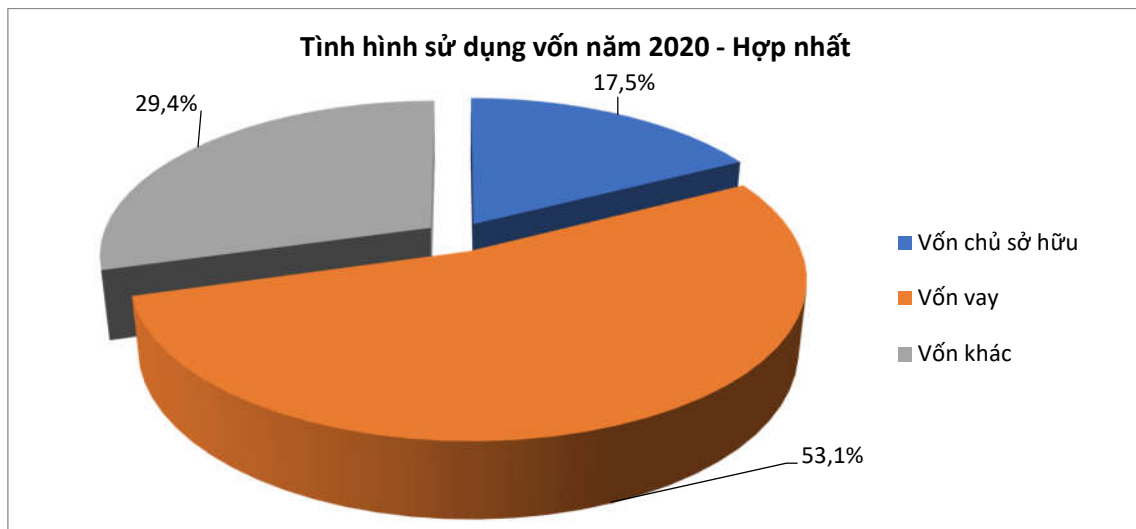




Bảng 8- Tình hình sử dụng vốn năm 2020

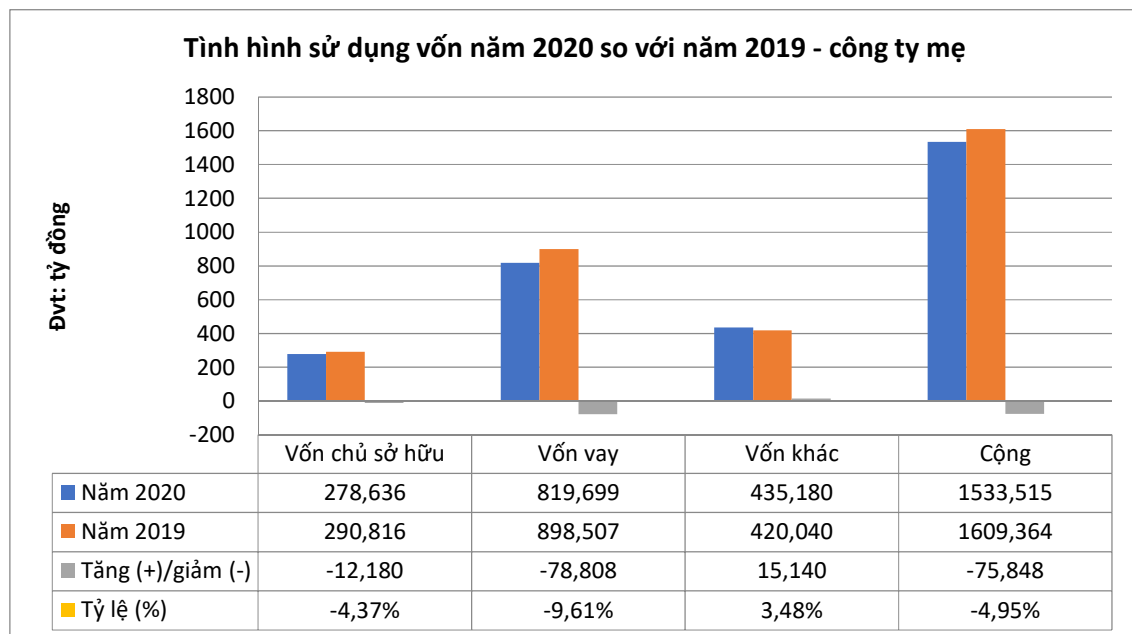
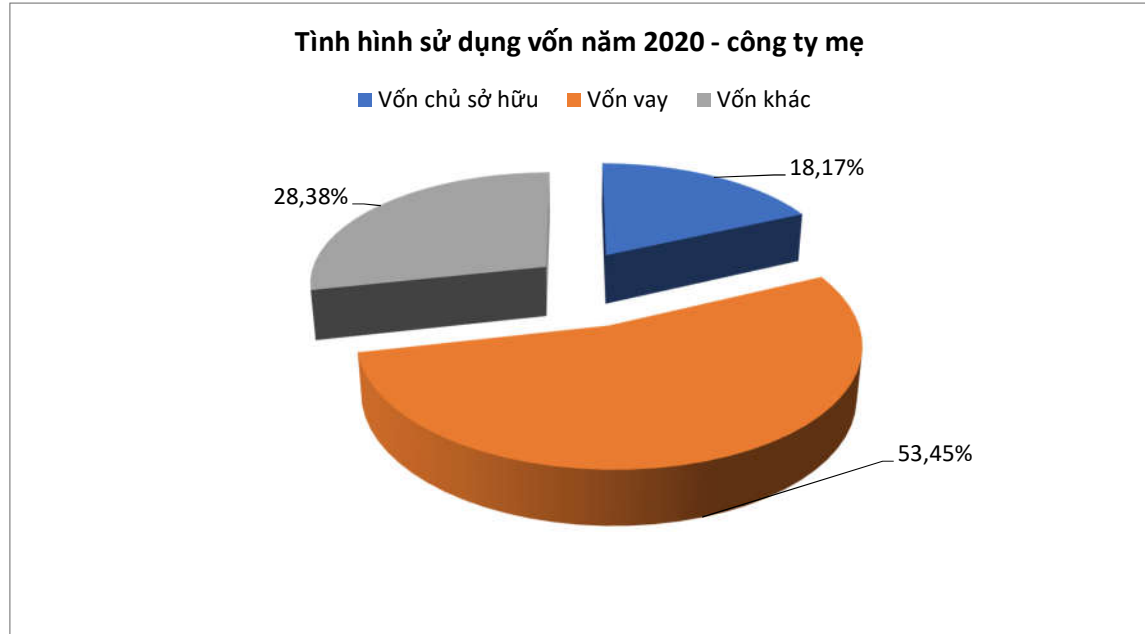
Đơn vị: Tỷ đồng

Nguồn vốn	Tại ngày 01/01/2020	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Tại ngày 31/12/2020
1. Nguồn vốn ngân sách Nhà nước	0	0	0	0
2. Nguồn vốn chủ sở hữu	293,898	0	13,632	280,266
3. Nguồn vốn vay	931,277	181,150	261,162	851,265
4. Nguồn vốn khác	469,974	51,521	50,781	470,715
Tổng cộng	1.695,150	232,671	325,575	1.602,245



- Công ty mẹ

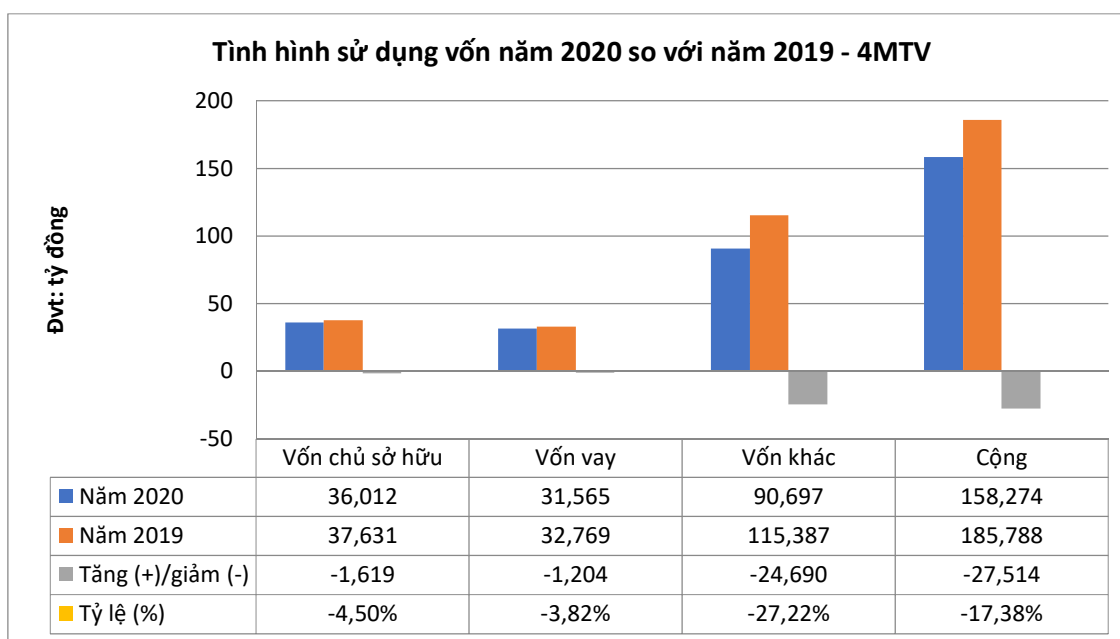
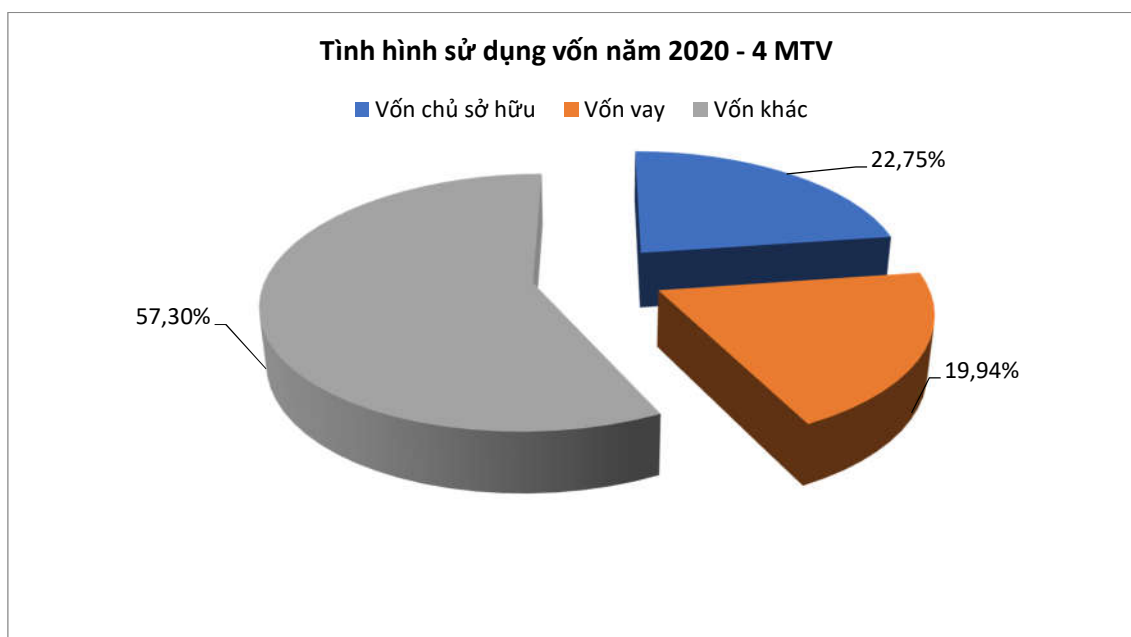
Nguồn vốn	Tại ngày 01/01/2020	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Tại ngày 31/12/2020
1. Nguồn vốn ngân sách Nhà nước	0	0	0	0
2. Nguồn vốn chủ sở hữu	290,816	0	12,180	278,636
3. Nguồn vốn vay	898,507	159,112	237,920	819,699
4. Nguồn vốn khác	420,040	59,478	44,338	435,180
Tổng cộng	1.609,364	218,590	294,439	1.533,515



- 04 Công ty TNHH MTV

Nguồn vốn	MTV1				MTV2			
	Tại ngày 01/01	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Tại ngày 31/12	Tại ngày 01/01	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Tại ngày 31/12
A	1	2	3	4	1	2	3	4
1. Nguồn vốn ngân sách Nhà nước	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Nguồn vốn chủ sở hữu	18,530	0	0,067	18,462	5,651	0	0	5,651
3. Nguồn vốn vay	8,356	12,074	11,531	8,899	13,103	6,867	4,928	15,042
4. Nguồn vốn khác	20,412	1,491	9,830	12,073	37,921	0,006	11,475	26,451
Tổng cộng	47,297	13,565	21,428	39,434	56,675	6,873	16,403	47,145

Nguồn vốn	MTV3				MTV4			
	Tại ngày 01/01	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Tại ngày 31/12	Tại ngày 01/01	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Tại ngày 31/12
A	1	2	3	4	1	2	3	4
1. Nguồn vốn ngân sách NN	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Nguồn vốn chủ sở hữu	6,016	0	1,552	4,464	7,434	0	0	7,434
3. Nguồn vốn vay	6,372	0,480	2,477	4,375	4,938	2,617	4,306	3,249
4. Nguồn vốn khác	11,613	0,012	2,245	9,380	45,441	0,398	3,047	42,792
Tổng cộng	24,002	0,492	6,274	18,220	57,814	3,015	7,353	53,475



Bảng 9- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

- Hợp nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2019
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,039	1,062
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,544	0,481
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2019
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,825	0,827
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	4,717	4,768
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	1,087	0,914
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,394	0,331
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,187	0,089
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0,422	0,169
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,074	0,029
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,911	0,911

- Công ty mẹ

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2019
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,002	1,028
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,506	0,433
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,818	0,819
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	4,504	4,534
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	1,116	0,889
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,390	0,310
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,469	0,357
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	1,006	0,612
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,183	0,111
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,888	1,052

- 04 Công ty TNHH MTV

Chỉ tiêu	Đơn tính	MTV1		MTV2	
		2020	2019	2020	2019
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>					
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,795	1,574	1,116	1,090
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,445	1,357	1,103	0,950
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>					
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,532	0,608	0,880	0,900
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,136	1,553	7,343	9,029
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>					
+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	0,675	1,536	6,464	6,374
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,163	0,325	0,638	0,856
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>					
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-1,048	0,868	3,096	2,138
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-0,365	0,719	16,472	18,342
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-0,171	0,282	1,974	1,829
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	9,339	1,487	5,085	2,912

Chỉ tiêu	Đơn tính	MTV3		MTV4	
		2020	2019	2020	2019
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>					
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,186	1,219	1,151	1,134
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,525	0,713	0,818	0,836
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>					
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,755	0,749	0,861	0,871
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	3,081	2,989	6,193	6,777
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>					

Chỉ tiêu	Đơn tính	MTV3		MTV4	
		2020	2019	2020	2019
+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	0,052	0,452	0,489	0,785
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,027	0,263	0,162	0,250
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-315,805	-20,309	0,317	1,684
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-34,763	-21,317	0,370	3,280
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-8,518	-5,343	0,051	0,422
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-88,563	-8,278	0,495	1,052

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

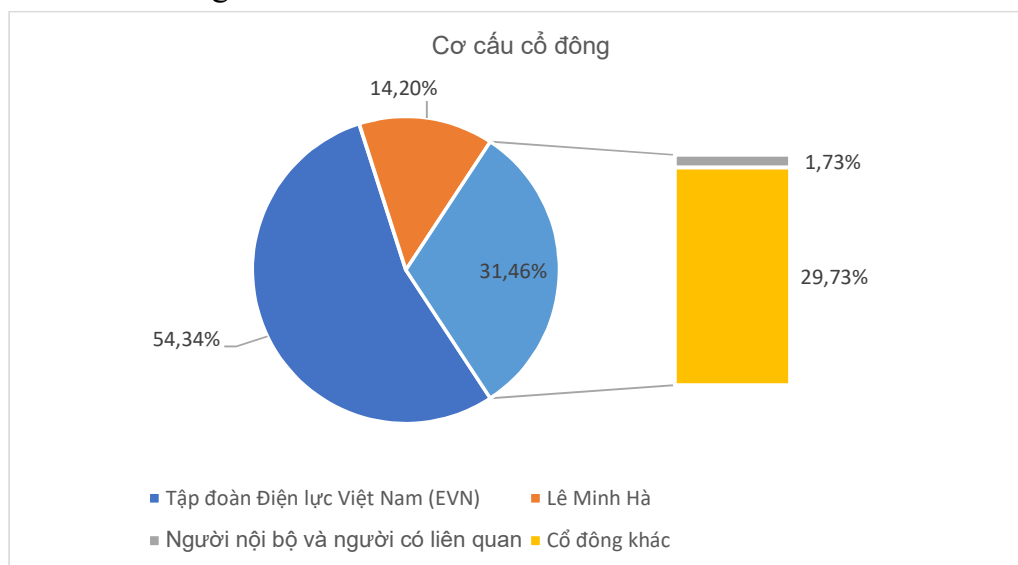
- Công ty luôn duy trì công tác quản lý môi trường, tuân thủ tuyệt đối các quy định của Pháp luật về công tác bảo vệ môi trường, nâng cao ý thức của người lao động trong vấn đề bảo vệ môi trường. Điều kiện vệ sinh môi trường lao động hàng năm được Công ty kiểm tra, đánh giá và khắc phục kịp thời.
- Công ty luôn ý thức được trách nhiệm của mình đối với cộng đồng và xã hội trong công tác tư vấn cũng như hoạt động đầu tư. Tất cả các dự án Công ty tham gia công tác tư vấn, đầu tư đều tham vấn cộng đồng địa phương; tìm hiểu điều kiện môi trường tự nhiên và kinh tế-xã hội khu vực thực hiện dự án; đánh giá, dự báo tác động môi trường của dự án...; đưa ra các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực, ứng phó rủi ro, sự cố của dự án...

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

6.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đang lưu hành: 26.691.319 cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- Số lượng cổ phần được tự do chuyển nhượng: 26.691.319 cổ phần.
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

6.2. Cơ cấu cổ đông



Bảng 3- Chi tiết cơ cấu cổ đông

TT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông sáng lập/cổ đông FDI	0	0,00%	0	0	0
	- Trong nước	0	0,00%	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0,00%	0	0	0
2	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)	18.295.052	68,54%	2	1	1
	- Trong nước	18.295.052	68,54%	2	1	1
	+ EVN	14.504.227	54,34%	1	1	0
	+ Ông Lê Minh Hà	3.790.825	14,20%	1	0	1
	- Nước ngoài	0	0,00%	0	0	0
3	Công đoàn công ty	0	0,00%	0	0	0
	- Trong nước	0	0,00%	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0,00%	0	0	0
4	Cổ phiếu quỹ	0	0,00%	0	0	0
5	Cổ đông sở hữu CP ưu đãi	0	0,00%	0	0	0
6	Cổ đông khác	8.396.267	31,457%	1.574	22	1.552
	- Trong nước	8.395.839	31,455%	1.570	20	1.550
	- Nước ngoài	428	0,002%	4	2	2
	TỔNG CỘNG	26.691.319	100,00%	1.576	23	1.553
	Trong đó:					
	- Trong nước	26.690.891	99,998%	1.572	21	1.551
	- Nước ngoài	428	0,002%	4	2	2

Bảng 4- Cổ đông phân theo loại hình sở hữu

TT	Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyên nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông đặc biệt	0	18.295.052	18.295.052	68,54%
1	EVN	0	14.504.227	14.504.227	54,34%
2	Cổ đông lớn (ông Lê Minh Hà)	0	3.790.825	3.790.825	14,20%
3	Cổ đông chiến lược	0	0	0	0,00%
4	Cổ đông sáng lập	0	0	0	0,00%
5	Cổ đông FDI	0	0	0	0,00%
II	Người nội bộ	0	461.856	461.856	1,730%
1	Hội đồng quản trị	0	50.334	50.334	0,189%
	- Ông Nguyễn Tài Anh	0	0	0	0,000%
	- Ông Phạm Nguyên Hùng	0	36.020	36.020	0,135%
	- Ông Trần Thái Hải	0	4.000	4.000	0,015%
	- Ông Nguyễn Đức Thành	0	10.308	10.308	0,039%
	- Ông Nguyễn Đức Tuấn	0	6	6	0,000%
2	Ban Tổng Giám đốc	0	202.028	202.028	0,757%
	- Ông Phạm Nguyên Hùng, TGD đến ngày 01/03/2021	Xem mục I			
	- Ông Nguyễn Hữu Chính, PTGD thực hiện chức trách, nhiệm vụ TGD từ ngày 01/03/2021	0	2.401	2.401	0,009%
	- Ông Đặng Hoàng Cẩm, PTGD	0	5.215	5.215	0,020%
	- Ông Lê Minh Tuấn, PTGD	0	194.412	194.412	0,728%
3	Ban Kiểm soát	0	209.475	209.475	0,785%
	- Bà Cao Thúy Nga, Trưởng ban	0	3.906	3.906	0,015%
	- Ông Mai Hữu Thung, KSV	0	205.569	205.569	0,770%
	- Bà Nguyễn Hoàng Diệp, KSV	0	0	0	0,000%
4	Ông Dương Anh Tuấn, Quyền Kế toán trưởng	0	5	5	0,00%

TT	Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyên nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
5	Ông Đỗ Minh Hải, Người phụ trách quản trị Công ty	0	10	10	0,00%
6	Ông Nguyễn Tự Minh, Người được UQ CBTT	0	4	4	0,00%
III	Người có liên quan của người nội bộ	0	392.642	392.642	1,47%
	- Bà Nguyễn Thị Lượ (vợ ông Mai Hữu Thung)	0	392.642	392.642	1,47%
IV	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0,00%
V	Công đoàn công ty	0	0	0	0,00%
VI	Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi	0	0	0	0,00%
VII	Cổ đông khác	0	7.541.769	7.541.769	28,256%
1	Cá nhân	0	6.371.426	6.371.426	23,871%
2	Tổ chức (không bao gồm cổ phần của EVN)	0	1.170.343	1.170.343	4,385%
	TỔNG CỘNG	0	26.691.319	26.691.319	100,00%

6.3. Thông tin về cổ đông lớn

a) Tập đoàn Điện lực Việt Nam

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam là cổ đông nhà nước đồng thời là cổ đông lớn của Công ty; hiện nay, Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 14.504.227 cổ phiếu TV1, chiếm tỷ lệ 54,34% vốn điều lệ.

- Địa chỉ liên lạc: Số 11 Phố Cửa Bắc, Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội.

- Nhóm người đại diện phần vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Công ty gồm:

+ Ông Nguyễn Tài Anh, Chủ tịch Hội đồng quản trị; ông Nguyễn Tài Anh đại diện 40% số vốn của Tập đoàn tại Công ty, tương ứng với số cổ phần đại diện là 5.801.690 cổ phần, chiếm tỷ lệ 21,74% vốn điều lệ.

+ Ông Phạm Nguyên Hùng, Thành viên HĐQT; ông Phạm Nguyên Hùng đại diện 30% số vốn của Tập đoàn tại Công ty, tương ứng với số cổ phần đại diện là 4.351.268 cổ phần, chiếm tỷ lệ 16,30% vốn điều lệ. Từ ngày 01/03/2021 ông Phạm Nguyên Hùng thôi đại diện số vốn của Tập đoàn tại Công ty.

+ Ông Trần Thái Hải, Thành viên HĐQT; ông Hải đại diện 30% số vốn của Tập đoàn tại Công ty, tương ứng với số cổ phần đại diện là 4.351.269 cổ phần, chiếm tỷ lệ 16,30% vốn điều lệ.

+ Ông Nguyễn Hữu Chính, Phó Tổng Giám đốc; kể từ ngày 01/03/2021, ông Chính đại diện 30% số vốn của Tập đoàn tại Công ty, tương ứng với số cổ phần đại diện là 4.351.268 cổ phần, chiếm tỷ lệ 16,30% vốn điều lệ.

b) Ông Lê Minh Hà

- Ông Lê Minh Hà nắm giữ 3.790.825 cổ phiếu TV1, chiếm tỷ lệ 14,20% vốn điều lệ.
- Địa chỉ liên lạc: Số nhà 73 phố Long Biên 1, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

6.4. Các vấn đề khác

- Danh sách cổ đông có cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không
- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không
- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không
- Các chứng khoán khác: Không

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Về phát triển thị trường

Năm 2020, giá trị các hợp đồng ký mới đạt 396,668 tỷ đồng, giảm 192,001 tỷ đồng về mặt giá trị, tương ứng với mức giảm là 32,62% so với năm 2019 (588,669 tỷ đồng).

1.2. Doanh thu, lợi nhuận

Tổng doanh thu thực hiện năm 2020 là 633,171 tỷ đồng, tăng 9,34% so với kế hoạch và tăng 12,56% so với năm 2019. Doanh thu của Công ty chủ yếu từ hai lĩnh vực chính: khảo sát-thiết kế và phát điện.

Đối với nhà máy thủy điện Sông Bung 5, tổng doanh thu thực hiện 178,511 tỷ đồng tăng 110,79% so với năm 2019 (84,688 tỷ đồng) và tăng 72,975% so với kế hoạch (103,200 tỷ đồng). Tuy nhiên sau khi trừ thuế, phí nộp Nhà nước doanh thu thực tế Công ty được hưởng là 148,712 tỷ đồng.

Doanh thu lĩnh vực khảo sát thiết kế 453,317 tỷ đồng, giảm 22,601 tỷ đồng (giảm 4,75%) so với kết quả thực hiện năm 2019 (475,918 tỷ đồng).

Lợi nhuận trước thuế đạt 8,210 tỷ đồng, tăng 1,310 tỷ đồng (tỷ lệ tăng 18,99%) so với kế hoạch năm (6,9 tỷ đồng).

2. Tình hình tài chính

2.1. Tài sản

Tổng tài sản năm 2020 của Công ty giảm so với năm 2019, cụ thể giảm 92,904 tỷ đồng, tỷ lệ giảm 5,48%. Tài sản giảm là do giá trị hàng tồn kho giảm 86,751 tỷ đồng, tỷ lệ giảm 17,20%.

Đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
Lợi nhuận thuần/BQ tổng tài sản (%)	0,301	0,732

2.2. Nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
- Hệ số tự tài trợ (%)	17,338	17,492
- Hệ số nợ trên tổng tài sản (%)	82,662	82,508

Năm 2020 chỉ tiêu hệ số tự tài trợ tăng 0,154% so với năm 2019 cho thấy năm 2020 Công ty đã sử dụng hợp lý các nguồn vốn hơn năm 2019.

2.3. Công nợ

Phải thu ngắn hạn của khách hàng cuối kỳ 393,027 tỷ đồng, tăng 61,285 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 18,47% so với đầu kỳ (331,742 tỷ đồng). Công ty không có các khoản phải thu dài hạn.

Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2020 là 1.321,979 tỷ đồng, giảm 79,272 tỷ đồng, tỷ lệ giảm 5,66% so với đầu kỳ (1.695,150 tỷ đồng) và chiếm 82,51% tổng nguồn vốn (1.321,979/1.602,245).

3. Kết quả bán đấu giá tài sản NMTĐ Sông Bung 5

Thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, đến nay Công ty đã tổ chức đấu giá tài sản NMTĐ Sông Bung 5 năm (05) lần và đều không thành công. Năm 2021, Hội đồng quản trị tiếp tục trình ĐHĐCĐ thường niên phương án và giá khởi điểm đấu giá tài sản NMTĐ sông Bung 5 (lần 6).

4. Những kết quả Công ty đã đạt được

- Năm 2020, Công ty tiếp tục đầu tư cho công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, đầu tư thiết bị công nghệ, phần mềm tính toán, phần mềm quản lý....; Công ty đã ban hành những biện pháp quản lý tài chính, nhân sự nhằm mục đích khắc phục tình trạng khó khăn về tài chính, như: quản lý nợ phải thu, nợ phải trả; quản lý hàng tồn kho; quản lý lãi tiền vay; sắp xếp tổ chức bộ máy và định biên lao động, v.v.

- Công ty tiếp tục đảm nhận thực hiện công tác tư vấn cho các dự án quan trọng và cấp bách nhằm phục vụ mục tiêu chiến lược an ninh năng lượng Quốc gia.

Vượt qua các khó khăn về tài chính, Công ty đã huy động lực lượng chuyên gia và kỹ sư trình độ cao để đáp ứng các yêu cầu về chất lượng và tiến độ của các công trình trọng điểm, góp phần đảm bảo thành công của dự án.

5. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý

Để đáp ứng tốt hơn các yêu cầu sản xuất cũng như tiết kiệm chi phí, Công ty đã từng bước tổ chức kiện toàn, sắp xếp lại bộ máy, giải thể, hợp nhất/sáp nhập các đơn vị có cùng chức năng nhiệm vụ. Các đơn vị mới sau khi thành lập đã tổ chức sắp xếp lại nội bộ để làm cơ sở định biên.

Để tiến hành phân công, bố trí công việc hợp lý, tránh chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị khối quản lý, Công ty đã tổ chức, sắp xếp lại và phê duyệt chức năng, nhiệm vụ các đơn vị khối quản lý. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ đã phê duyệt, Công ty tiến hành định biên lao động tại các đơn vị quản lý. Hiện nay Công ty chỉ còn 05 đơn vị khối quản lý: Văn phòng, Phòng Kế hoạch và Thị trường, Phòng Tổ chức Nhân sự, Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Kỹ thuật và Hợp tác quốc tế.

6. Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

6.1. Doanh thu

Năm 2021, Công ty đặt ra mục tiêu doanh thu khoảng 675 tỷ đồng, chủ yếu đến từ lĩnh vực sản xuất kinh doanh truyền thống của Công ty, trong đó:

- Khảo sát, tư vấn, xây lắp: 500 tỷ đồng;

- Bán điện : 175 tỷ.

6.2. Chỉ tiêu tài chính

- Lợi nhuận sau thuế: không lỗ;
- Cổ tức: không chia cổ tức.

7. Vấn đề khác

Chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, cổ tức chỉ là dự kiến; các chỉ tiêu trên sẽ được chuẩn xác lại khi được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua và được ghi nhận tại Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ.

Năm 2021, Công ty dự kiến mở rộng sản xuất kinh doanh ra một số ngành nghề tiềm năng ngoài lĩnh vực SXKD truyền thống của Công ty như các dự án cấp ngầm, lưới điện thông minh, thủy điện tại Lào, năng lượng tái tạo, thủy lợi, kè biển, kè sông, v.v.

IV. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

1. Báo cáo tài chính hợp nhất

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc về một số khoản nợ phải thu, phải trả chưa được đối chiếu, xác nhận, quá hạn thanh toán

- Phần lớn các khách hàng của Công ty là các nhà đầu tư thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Đặc thù các công trình Công ty thực hiện tư vấn khảo sát thiết kế là các công trình điện, với thời gian thi công lâu, nhiều gói thầu và do nhiều nhà thầu thực hiện. Do đó, công tác quyết toán và thanh lý các công trình phần lớn bị chậm so với dự kiến ban đầu.

- Với hơn 290 khách hàng và khoảng hơn 680 đầu mục các công trình dẫn đến việc số tiền do các chủ đầu tư giữ lại để chờ hoàn thành công tác quyết toán là tương đối lớn. Công ty đã thực hiện việc đối chiếu công nợ với hầu hết các khách hàng (với tỷ lệ tính trên giá trị công nợ phải thu là 88%) và đang rất tích cực hoàn thiện các thủ tục để thu hồi các khoản công nợ này. Tập đoàn Điện lực Việt Nam cũng đã hỗ trợ Công ty trong công tác thu hồi công nợ bằng việc gửi công văn đến các đơn vị trong tập đoàn và một số đơn vị ngoài tập đoàn yêu cầu hỗ trợ thanh toán công nợ tồn đọng cho Công ty.

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

- Các công trình do Công ty thực hiện thường kéo dài nhiều năm. Trong một dự án có rất nhiều hợp đồng và các phụ lục hợp đồng, các hợp đồng được ký kết có thể gói đầu nhau hoặc cũng có các hợp đồng khác hạng mục cùng triển khai song song với nhau.

- Việc tách chi phí dở dang các công trình đầu kỳ theo từng hợp đồng là công việc tương đối phức tạp cần có thêm thời gian do các công trình kéo dài nhiều năm và các hợp đồng cho một công trình phần lớn thực hiện gói đầu hoặc song song với nhau, hồ sơ tài liệu lưu trữ có khối lượng lớn cần được sắp xếp lại theo từng hợp đồng.

2. Báo cáo tài chính mẹ

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc về ý kiến kiểm toán như sau:

- Phần lớn các khách hàng của Công ty chủ yếu là các chủ đầu tư thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).
- Đặc thù các công trình Công ty thực hiện tư vấn khảo sát thiết kế là các công trình điện, với thời gian thi công dài, nhiều gói thầu và do nhiều nhà thầu thực hiện. Do đó, công tác quyết toán và thanh lý các công trình phần lớn bị chậm so với dự kiến ban đầu. số tiền do các chủ đầu tư giữ lại để chờ hoàn thành công tác quyết toán là tương đối lớn.
- Công ty đã thực hiện việc đối chiếu xác nhận công nợ với hầu hết các khách hàng (với tỷ lệ tính trên giá trị công nợ phải thu của các khách hàng là 93%) và đang rất tích cực hoàn thiện các thủ tục để thu hồi các khoản công nợ này. EVN đã gửi công văn đến các đơn vị là Chủ đầu tư trong EVN và ngoài EVN yêu cầu hỗ trợ thanh toán công nợ tồn đọng với Công ty

Với những lý do nêu trên, Công ty chúng tôi chưa xem xét trích lập dự phòng cho các khoản công nợ quá hạn mà báo cáo kiểm toán đã nêu.

- Như trên đã đề cập các công trình do Công ty thực hiện thường kéo dài qua nhiều năm. Trong một dự án có rất nhiều hợp đồng cũng như các phụ lục hợp đồng, các hợp đồng được ký kết có thể gói đầu nhau hoặc cũng có các hợp đồng khác hạng mục cùng triển khai song song với nhau. Việc tách chi phí dở dang các công trình tồn đọng từ những năm trước theo từng hợp đồng là công việc tương đối phức tạp cần có thêm thời gian do các công trình kéo dài nhiều năm và các hợp đồng cho một công trình phần lớn thực hiện gói đầu hoặc song song với nhau, hồ sơ tài liệu lưu trữ có khối lượng lớn cần được sắp xếp lại theo từng đầu mục hợp đồng.

V. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

1.1. Những khó khăn

a) Về thị trường:

Doanh thu trong các lĩnh vực truyền thông của Công ty giảm và rất khó để mở rộng quy mô thị trường, cụ thể:

- Lĩnh vực thủy điện: Ngoài các dự án lớn như Hòa Bình và Ialy mở rộng còn rất ít dự án thủy điện, chủ yếu là các dự án nhỏ của tư nhân, vị trí địa lý khó khăn, rủi ro cao khi thực hiện và rủi ro về chi phí. Đối với thị trường thủy điện tại nước ngoài như Lào và Campuchia, tuy có tiềm năng khá tốt, nhưng Công ty cũng phải xét tới các yếu tố rủi ro về chi phí, luật pháp, v.v. để quyết định tham gia; một số công trình triển khai rất chậm do vướng mắc các thủ tục đầu tư hoặc chậm đàm phán giá điện với EVN.
- Lĩnh vực lưới điện: các dự án lưới điện truyền tải theo Tổng sơ đồ điện VII hiệu chỉnh cơ bản đã và đang triển khai nên cũng khó tăng trưởng về doanh thu; việc triển khai các dự án lưới điện cũng gặp nhiều khó khăn trong công tác thỏa thuận ĐMT, thỏa thuận tuyến... nên triển khai chậm so với tiến độ thực tế dẫn đến doanh thu không đúng thời điểm dự kiến.
- Để giảm nợ xấu, Công ty phải chọn lọc những hợp đồng có độ rủi ro thấp, Chủ đầu tư có khả năng về tài chính.

- Áp lực cạnh tranh của thị trường tư vấn ngày càng gay gắt.

b) Về tài chính:

Do chưa bán được thủy điện Sông Bung 5 trong năm 2020 nên Công ty vẫn chịu áp lực lớn về thiếu vốn do nợ phải thu, chi phí lãi vay ở mức cao. Mặt khác Công ty phải thực hiện trích lập dự phòng, kết chuyển giá vốn các công trình đã hết doanh thu nhưng còn chi phí dở dang nhằm khắc phục và lành mạnh hóa tài chính.

c) Về quản trị, quản lý:

Năm 2020 là năm Công ty tiếp tục triển khai tái cơ cấu toàn diện để đổi mới và tăng cường hiệu quả hoạt động. Theo đó, Công ty chú trọng đến các mục tiêu về cơ cấu lại lĩnh vực và phạm vi kinh doanh, thu gọn đầu mối, phát triển năng lực tư vấn, quản trị và quản lý nội bộ, khắc phục tài chính, v.v hướng tới phát triển bền vững. Các yếu tố này làm chi phí tăng cao và tình hình tài chính biến động trong ngắn hạn.

1.2. Các giải pháp Công ty đã thực hiện

a) Về công tác quản trị, quản lý

- Công ty đã xây dựng định hướng phát triển toàn diện và bền vững cho Công ty, qua đó xác định những mục tiêu và giải pháp thực hiện cụ thể cho các giai đoạn đổi mới, khắc phục tình hình tài chính (2018-2020) và giai đoạn phát triển sản xuất (2021-2025); đồng thời thực hiện phổ biến, tuyên truyền tới người lao động để ổn định tâm lý, tạo niềm tin và động lực cho người lao động;

- Thương thảo thành công với VietinBank giảm lãi suất đối với khoản vay dài hạn đầu tư xây dựng NMTĐ Sông Bung 5 từ 10,5% xuống 9,5% từ 01/01/2020;

- Điều chỉnh giảm sản lượng điện trung bình năm của NMTĐ Sông Bung 5 là 187,06 triệu kWh, giảm khoảng 10%;

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra và giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với các Công ty TNHH MTV thông qua Quy chế quản lý vốn và người đại diện và Quy định về tiêu chí đánh giá người đứng đầu đơn vị trong PECC1; tăng cường trách nhiệm giám sát của HĐQT và các Kiểm soát viên; Ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của các MTV1, MTV4...

Nhìn chung, Công tác quản trị, quản lý và điều hành được cải thiện rõ rệt, tạo được sự đồng thuận rất cao trong tập thể Đảng bộ, Lãnh đạo, các tổ chức đoàn thể và CBCNV; từng bước lấy lại niềm tin và sự nhiệt huyết của người lao động.

b) Về công tác tài chính

Công ty đã áp dụng một loạt các giải pháp khắc phục tài chính để nhằm mục đích quản lý hàng tồn kho, nợ phải thu, chi phí dở dang và lành mạnh hóa tài chính:

- Rà soát, sửa đổi Quy chế phân cấp quản lý và khoán nội bộ theo hướng tăng tỷ lệ lương cho người lao động và gắn trách nhiệm nghiệm thu thanh toán với trách nhiệm thu hồi nợ;

- Xây dựng mới Quy chế tài chính; xây dựng hệ thống các mẫu báo cáo tài chính cho mục đích báo cáo định kỳ và quản trị, giám sát việc thực hiện các kế

hoạch tài chính, dòng tiền cũng như kế hoạch nghiệm thu, chi phí tại tất cả các đơn vị trực thuộc Công ty;

- Áp dụng phần mềm quản lý tài chính ERP để hạch toán và quản lý chi phí theo Hợp đồng; phần mềm Quản lý hợp đồng chuyên nghiệp;
- Xây dựng các Kế hoạch tài chính cho từng quý, Kế hoạch dòng để quản lý tài chính chủ động (kiểm soát chi phí và dòng tiền), dự báo và đánh giá được tình hình tài chính tổng thể;
- Tổ chức quyết liệt công tác thu hồi nợ; chủ động liên hệ, tiếp xúc với hầu hết các khách hàng có công nợ (khoảng 96%) để rà soát, đối chiếu, tổ chức phân loại, xác định tuổi nợ và thực hiện trích lập dự phòng; thiết lập quy trình thu hồi nợ;
- Rà soát lại các hợp đồng dở dang, thúc đẩy nghiệm thu thanh quyết toán và thanh lý các hợp đồng đã hoàn thành đồng thời rà soát các hợp đồng đã hết sản lượng... để kiểm soát và giảm lượng hàng tồn kho; thuê Tư vấn kiểm toán chuyên đề rà soát chi phí dở dang của các công trình đã hoàn thành/dừng thực hiện;
- Ưu tiên trả lương, các khoản nợ có lãi suất cao trong phạm vi tài chính cho phép; tiết giảm chi phí; không huy động vay vốn cá nhân.

c) Về công tác đầu tư phát triển

Đầu tư trang thiết bị hiện đại trong lĩnh vực khảo sát, thiết kế như: camera hố khoan, máy Flycam công nghệ ảnh hàng không, máy tính và phần mềm chuyên ngành trong lĩnh vực thiết kế 3D, phần mềm tính toán lưới điện, phần mềm quản lý Hợp đồng...

1.3. Kết quả đạt được

- Các dự án của Công ty thực hiện đã đáp ứng được tiến độ, chất lượng, hiệu quả, nhiều dự án quy mô lớn điều kiện địa chất phức tạp, xây dựng trong vùng động đất, được áp dụng công nghệ hiện đại đã được đưa vào vận hành an toàn, hiệu quả góp phần nâng cao thương hiệu Công ty.
- Tổng doanh thu đạt 633,171 tỷ đồng, vượt kế hoạch 9,34% (54,071 tỷ đồng); tăng 14,81% (70,664 tỷ đồng) so với năm 2019 (562,506 tỷ đồng):
 - + Doanh thu bán điện đạt 178,511 tỷ đồng tăng 72,98% (75,311 tỷ đồng) so với kế hoạch (103,200 tỷ đồng); tăng 110,79% (93,823 tỷ đồng) so với năm 2019 (84,688 tỷ đồng);
 - + Doanh thu khảo sát, thiết kế, xây lắp (453,317 tỷ đồng) giảm 4,75% (22,583 tỷ đồng) so với kế hoạch (475,900 tỷ đồng); giảm 4,75% (22,601 tỷ đồng) so với năm 2019 (475,918 tỷ đồng).
- Lợi nhuận sau thuế đạt 1,184 tỷ đồng, tăng 138,15% (0,687 tỷ đồng) so với năm 2019 (0,497 tỷ đồng), trong đó Sông Bung 5 lãi 35,919 tỷ đồng, năm 2019 lỗ 50,453 tỷ đồng;
- So với năm 2019, nợ phải thu khách hàng tăng 18,47% (61,285 tỷ đồng); nợ phải trả giảm 5,66% (79,272 tỷ đồng), hệ số nợ phải trả/nợ phải thu ngắn hạn giảm 0,598 lần (3,062/3,661); năm 2020 nợ phải trả 1.321,979 tỷ đồng, nợ phải thu ngắn hạn 431,680 tỷ đồng; hàng tồn kho giảm 17,20% (86,751 tỷ đồng); chi phí tài chính tăng 2,335 tỷ đồng (79,539/77,205), chi phí tài chính ở mức rất cao ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả SXKD, tương đương 16% giá vốn (79,539/501,024).

- Tổng lao động cuối năm 754 lao động, giảm 87 lao động (tỷ lệ giảm 10,34%) so với đầu năm (841 lao động).
- Quỹ tiền lương đạt 145,401 tỷ đồng (riêng MTV3 năm 2020 phát sinh doanh thu 0,491 triệu, quỹ lương là 0,176 triệu, lương bình quân 1,053 triệu/lao động/tháng); tiền lương bình quân đạt 15,132 triệu đồng/tháng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Ban điều hành Công ty đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Ban điều hành đã có nhiều cố gắng để hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh. Các thành viên của Ban điều hành Công ty có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, hành động vì lợi ích chung của Công ty.

VI. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2021

1. Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
2. Định giá lại giá trị tài sản NMTĐ Sông Bung 5 theo sản lượng, giá bán điện mới và tiếp tục tổ chức bán đấu giá tài sản NMTĐ Sông Bung 5.
3. Tiếp tục tổ chức thực hiện tái cơ cấu tổ chức (Công ty mẹ và các công ty con) theo đề án được ĐHĐCĐ phê duyệt và hoàn thiện định biên nhân sự.
4. Chỉ đạo Ban điều hành
 - Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021;
 - Chỉ đạo các công ty con nhanh chóng ổn định, tích cực SXKD, lập đề án nâng cao năng lực hoạt động cho giai đoạn 2020-2025;
 - Thực hiện các giải pháp về sản xuất kinh doanh, bao gồm triển khai thực hiện tốt và hiệu quả các hợp đồng đã ký, đẩy mạnh cường công tác thị trường và tìm kiếm hợp đồng có mức độ rủi ro thấp, đặc biệt trong các lĩnh vực thủy lợi và lưới điện; đề xuất EVN giao nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật trong lĩnh vực an toàn đập và hạ du; đảm bảo an toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động các công trình nguồn và lưới điện; chiến lược phát triển hệ thống điện; công nghệ nối lưới và ổn định hệ thống khi tích hợp các nguồn năng lượng mới và tái tạo vào hệ thống...;
 - Chú trọng phát triển các dịch vụ tư vấn cho các nhà máy thủy điện đang vận hành; mở rộng phát triển thị trường thủy điện tại Lào; phát triển năng lực tư vấn thiết kế chi tiết cho từng hạng mục công nghệ phụ trợ trong nhà máy điện than, xây dựng năng lực tư vấn cho các dự án điện khí và năng lượng tái tạo, tham gia tư vấn cho các nhà máy nhiệt điện đang vận hành và từng bước xây dựng năng lực tư vấn quản lý dự án; tham gia và mở rộng mảng tư vấn giám sát các công trình lưới điện ở các cấp điện áp, tham gia tư vấn các dự án lưới điện phân phối, các dự án công nghệ mới (back-to-back, smart-grid, ...); đầu tư phát triển trong các lĩnh vực tư vấn năng lượng mới, tư vấn thủy lợi, EPC trạm điện;
 - Nâng cao hiệu quả thu hồi vốn, đẩy mạnh công tác nghiệm thu, thanh toán với các chủ đầu tư;
 - Tăng cường giám sát và đối chiếu công nợ; tăng cường giám sát và quản lý hàng tồn kho, nợ phải thu, nợ phải trả; tiết kiệm và quản lý các chi phí; xây dựng các kế hoạch tài chính, kế hoạch nghiệm thu và kế hoạch thu hồi vốn trên cơ sở giá trị các hợp đồng đã ký với các chủ đầu tư để cân đối dòng tiền; từng bước thực

hiện các nghĩa vụ tài chính tồn đọng; nâng cao chất lượng sản phẩm và các dịch vụ tư vấn;

- Sắp xếp tổ chức bộ máy, định biên lao động đồng thời giải quyết chế độ chính sách cho người lao động theo quy định; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao với số lượng phù hợp; đầu tư trang thiết bị phần mềm công nghệ hiện đại;
- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với các công ty TNHH một thành viên thuộc Công ty;
- Kiểm tra, rà soát, thu hồi các văn bản không còn phù hợp với các văn bản luật cũng như tình hình sản xuất hiện tại của Công ty; soạn thảo, sửa đổi bổ sung các văn bản phù hợp với các văn bản luật, tình hình sản xuất hiện tại của Công ty;
- Đảm bảo hài hoà lợi ích người lao động và cổ đông, bảo toàn và phát triển vốn.

VII. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ			Tỷ lệ %
			Số CP đại diện	Số CP cá nhân sở hữu	Cộng	
1	Ông Nguyễn Tài Anh	Chủ tịch (được bầu ngày 30/06/2020)	5.801.690	0	5.801.690	21,74%
2	Ông Phạm Nguyên Hùng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 30/06/2020)				
	Ông Phạm Nguyên Hùng	Thành viên	4.351.268	36.020	4.387.288	16,44%
3	Ông Nguyễn Hữu Chính	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/06/2020)				
4	Ông Trần Thái Hải	Thành viên	4.351.269	4.000	4.355.269	16,32%
5	Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên độc lập	0	10.308	10.308	0,04%
6	Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên	0	6	6	0,00%
	Cộng		14.504.227	50.334	14.554.561	54,53%

Những người có liên quan tới các ông thành viên HĐQT: Nguyễn Tài Anh, Phạm Nguyên Hùng, Nguyễn Hữu Chính, Trần Thái Hải, Nguyễn Đức Thành, Nguyễn Đức Tuấn không sở hữu cổ phần cũng như không có các khoản nợ đối với Công ty.

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty làm việc theo nguyên tắc tập thể dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch HĐQT, không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Chủ trì, chỉ đạo và tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ năm 2020; giám sát, chỉ đạo công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch, chính xác, kịp thời theo đúng quy định.

- Năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện các cuộc họp định kỳ, đột xuất, cho ý kiến bằng văn bản để kịp thời xem xét và thông qua các nghị quyết/quyết định liên quan đến các vấn đề lớn của Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT; giám sát thực hiện các nghị quyết/quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ đã ban hành; giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc phân cấp, uỷ quyền cho Tổng Giám đốc giải quyết một số vấn đề theo đúng chủ trương đã được thống nhất. Các thành viên Hội đồng quản trị có tinh thần trách nhiệm vì công việc và sự phát triển của Công ty, phối hợp hiệu quả với Ban Kiểm soát để đảm bảo các hoạt động của Công ty minh bạch.

1.4. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

TT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Tài Anh	18	70%	Được bầu ngày 30/06/2020
2	Ông Phạm Nguyên Hùng	26	100%	
3	Ông Nguyễn Hữu Chính	8	30%	Miễn nhiệm ngày 30/06/2020
4	Ông Trần Thái Hải	26	100%	
5	Ông Nguyễn Đức Tuấn	26	100%	
6	Ông Nguyễn Đức Thành- Thành viên độc lập	26	100%	

1.5. Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

TT	Số Nghị Quyết/Quyết Định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-TVĐ1-HĐQT	27/03/2020	Gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.	100%
2	111/QĐ-TVĐ1-HĐQT	10/04/2020	Phê duyệt dự toán Tư vấn xây dựng hệ thống đánh giá kết quả công việc và hệ thống lương của Công ty.	100%
3	02/NQ-TVĐ1-HĐQT	14/04/2020	Mở hạn mức tín dụng vay ngắn hạn năm 2020 của Công ty	100%
			Hợp đồng vay vốn của Công ty TNHH MTV Khảo sát Xây dựng Điện 2.	100%
4	03/NQ-TVĐ1-HĐQT	22/04/2020	Kế hoạch tuyển dụng lao động năm 2020.	100%
5	04/NQ-TVĐ1-HĐQT	13/05/2020	Chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2020	100%
			Quy chế xây dựng, ban hành, quản lý quy chế QLNB.	100%
6	05/NQ-TVĐ1-HĐQT	08/06/2020	Triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020	100%
			Nhận xét đánh giá và phân loại cán bộ năm 2019	100%
			Thành lập các phòng chức năng trực thuộc các Trung tâm.	100%

TT	Số Nghị Quyết/Quyết Định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
7	06/NQ-TVĐ1-HĐQT	20/06/2020	Không bổ nhiệm lại chức vụ Giám đốc Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 1 (MTV1) đối với ông Huỳnh Phong	100%
			Giao ông Phạm Hữu Chiêu phụ trách quản lý, điều hành MTV1.	100%
8	07/NQ-TVĐ1-HĐQT	26/06/2020	Bổ sung danh sách quy hoạch giai đoạn 2020-2021 và 2021-2026 của MTV1	100%
			Bổ nhiệm ông Phạm Hữu Chiêu giữ chức vụ Quyền GD MTV1.	100%
9	08/NQ-TVĐ1-HĐQT	30/06/2020	Ông Phạm Nguyên Hùng thôi giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT.	100%
			Bổ nhiệm ông Nguyễn Tài Anh giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT	100%
			Ông Phạm Nguyên Hùng tiếp tục giữ chức vụ Tổng Giám đốc	100%
10	09/NQ-TVĐ1-HĐQT	24/07/2020	Kế hoạch lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản NMTĐ SB5	100%
			Dự toán kiểm toán BCTC năm 2020	100%
			Phân công nhiệm vụ Thành viên Hội đồng quản trị.	100%
11	219/QĐ-TVĐ1-HĐQT	06/08/2020	Kết quả lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản NMTĐ SB5.	100%
12	10/NQ-TVĐ1-HĐQT	11/08/2020	Kế hoạch và hồ sơ bán đấu giá tài sản NMTĐ SB5.	100%
13	222/QĐ-TVĐ1-HĐQT	11/08/2020	Kết quả lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán, soát xét BCTC năm 2020.	100%
	238/QĐ-TVĐ1-HĐQT	13/08/2020	Chủ trương bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch kiêm GD Công ty TNHH MTV KSTK Xây dựng Điện 1 (MTV1).	100%
14	11/NQ-TVĐ1-HĐQT	27/08/2020	Đề nghị Phòng ĐKKD thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật.	100%
15	252/QĐ-TVĐ1-HĐQT	16/09/2020	Miễn nhiệm Chủ tịch MTV1.	100%
	253/QĐ-TVĐ1-HĐQT	16/09/2020	Bổ nhiệm Chủ tịch MTV1.	100%
	258/QĐ-TVĐ1-HĐQT	17/09/2020	Quy chế trả lương trong NMTĐ SB5	100%
	259/QĐ-TVĐ1-HĐQT	17/09/2020	Quy tắc ứng xử văn hóa PECC1	100%
16	12/NQ-TVĐ1-HĐQT	17/09/2020	Kết quả cuộc đấu giá tài sản NMTĐ SB5 và chủ trương tổ chức lại cuộc đấu giá	100%
			Nhiệm vụ và dự toán dịch vụ kiểm tra chi phí SXKD dở dang và công nợ.	100%
	272/QĐ-TVĐ1-HĐQT	28/09/2020	Thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung.	100%

TT	Số Nghị Quyết/Quyết Định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
17	273/QĐ-TVĐ1-HĐQT	28/09/2020	Bảo lãnh vay vốn lưu động năm 2020 - MTV1	100%
	274/QĐ-TVĐ1-HĐQT	28/09/2020	Điều chỉnh, xếp ngạch lương mới đối với TGD.	100%
18	13/NQ-TVĐ1-HĐQT	12/10/2020	Triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2020.	100%
19	14/NQ-TVĐ1-HĐQT	14/10/2020	Chủ trương bổ nhiệm GD Trung tâm Tư vấn Trạm.	100%
20	299/QĐ-TVĐ1-HĐQT	28/10/2020	Dự toán công tác đo đạc quan trắc biến dạng các hạng mục công trình CK8-Thủy điện Sông Bung 5.	100%
	300/QĐ-TVĐ1-HĐQT	28/10/2020	Chủ trương bổ nhiệm lại Trưởng P3.	100%
	301/QĐ-TVĐ1-HĐQT	28/10/2020	Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Điện 3 Đà Nẵng.	100%
21	308/QĐ-TVĐ1-HĐQT	03/11/2020	Lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản NMTĐ SB5.	100%
22	15/NQ-TVĐ1-HĐQT	04/11/2020	Kế hoạch và hồ sơ bán đấu giá TSản NMTĐ SB5.	100%
23	16/NQ-TVĐ1-HĐQT	23/11/2020	Bổ nhiệm Giám đốc Trung tâm Tư vấn Trạm.	100%
24	327/QĐ-TVĐ1-HĐQT	30/11/2020	Dự toán tư vấn thẩm định giá trị tài sản NMTĐ SB5.	100%
25	17/NQ-TVĐ1-HĐQT	04/12/2020	Điều lệ MTV1.	100%
	18/NQ-TVĐ1-HĐQT	04/12/2020	Dự toán Mini-MBA Bổ nhiệm Trưởng P3	80% 100%
26	19/NQ-TVĐ1-HĐQT	14/12/2020	Thành lập Tổ tư vấn cho TGD	100%
			Chủ trương bổ nhiệm PTGD phụ trách khối lưới	100%

1.6. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Tham gia công tác quản trị Công ty và giám sát hoạt động của HĐQT với tư cách là thành viên độc lập theo qui định của Điều lệ công ty và pháp luật của nhà nước.
- Chủ trì giúp HĐQT theo dõi, giám sát, thực hiện các công tác:
 - + Chiến lược phát triển lĩnh vực lưới điện;
 - + Tham gia ý kiến về việc xây dựng chương trình, nội dung làm việc của Ban kiểm soát công ty;
 - + Việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ; các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT.

1.7. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: năm 2020, các thành viên HĐQT tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty ở trong và ngoài nước.

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ			Tỷ lệ %	Ghi chú
			Số CP đại diện	Số CP cá nhân sở hữu	Cộng		
1	Bà Cao Thúy Nga	Trưởng BKS chuyên trách	0	3.906	3.906	0,01%	
2	Bà Nguyễn Hoàng Điệp	Kiểm soát viên	0	0	0	0,00%	
3	Ông Mai Hữu Thung	Kiểm soát viên	0	205.569	205.569	0,77%	
	Cộng		0	209.475	209.745	0,78%	

- Bà Cao Thúy Nga, sinh năm 1976 tại Hà Nội, quốc tịch Việt Nam, tôn giáo không; trình độ văn hóa 12/12; trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế; từ ngày 26/04/2016, bà Cao Thúy Nga đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban kiểm soát làm việc chuyên trách tại Công ty. Những người có liên quan của bà Cao Thúy Nga không sở hữu cổ phần Công ty; bản thân bà Cao Thúy Nga và những người có liên quan không có các khoản nợ đối với Công ty.

- Bà Nguyễn Hoàng Điệp, sinh năm 1980 tại Vĩnh Phúc, quốc tịch Việt Nam, tôn giáo không; trình độ văn hóa 12/12; trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế; từ ngày 26/04/2016, bà Nguyễn Hoàng Điệp đảm nhiệm chức vụ Kiểm soát viên Công ty. Bản thân bà Nguyễn Hoàng Điệp và những người có liên quan không sở hữu cổ phần và không có các khoản nợ đối với Công ty.

- Ông Mai Hữu Thung, sinh năm 1959 tại Sài Gòn, quốc tịch Việt Nam, tôn giáo không; trình độ văn hóa 10/10; trình độ chuyên môn Cử nhân tài chính kế toán; ông Mai Hữu Thung đảm nhiệm chức vụ Kiểm soát viên Công ty từ tháng 01/2008; ông Mai Hữu Thung sở hữu và đại diện 598.211 cổ phần, tương đương 2,24 % vốn điều lệ; trong đó: cá nhân sở hữu 205.569 cổ phần, vợ ông Mai Hữu Thung là bà Nguyễn Thị Lượ sở hữu 392.642 cổ phần. Ông Mai Hữu Thung và những người có liên quan không có các khoản nợ đối với Công ty.

2.2. Cuộc họp của BKS

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Mai Hữu Thung	06	100%	100%	
2	Bà Nguyễn Hoàng Điệp	06	100%	100%	
3	Bà Cao Thúy Nga	06	100%	100%	

2.3. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Kiểm tra, giám sát để đảm bảo Công ty hoạt động theo đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như các Nghị quyết/Quyết định/văn bản chỉ đạo của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- Tham dự các cuộc họp của HĐQT, đóng góp các ý kiến trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình; chủ động đề xuất với HĐQT một số vấn đề như: kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác tài chính kế toán, thu hồi công nợ, đơn vị kiểm toán độc lập; tham gia công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường năm 2020, đảm bảo công tác này được thực hiện nghiêm túc và đúng pháp luật; kiểm tra và thẩm định báo cáo tài chính năm 2019; thường xuyên trao đổi thông tin, tài liệu liên quan để thực hiện nhiệm vụ của BKS...
- Giám sát tình hình khắc phục, lành mạnh tài chính của Công ty.

2.4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

- Ban kiểm soát đã chủ động phối hợp hoạt động thường xuyên, chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc.
- Ban kiểm soát nhận được đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty và có nhiều ý kiến đóng góp, đề xuất với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc về các mặt hoạt động của Công ty.

2.5. Hoạt động khác của Ban kiểm soát

BKS đã tiến hành xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty...

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thù lao

Bảng 5- Lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và người quản lý công ty thực hiện năm 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Họ và Tên	Lương, thù lao/tháng	Số tháng thực hiện	Hệ số điều chỉnh theo 01/2020/NQ-TVĐ1-ĐHĐCĐ	Tổng tiền lương, thù lao thực trả	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Tài Anh - Chủ tịch HĐQT (không chuyên trách)	7,02	6	0,9	37,908	Chủ tịch HĐQT k chuyên trách từ 1/7 đến 31/12, hưởng thù lao 20% lương chức vụ tương đương
2	Ông Phạm Nguyên Hùng - Chủ tịch HĐQT (chuyên trách)	35,1	6	0,9	189,54	Chủ tịch HĐQT từ 1/1-30/6
	Ông Phạm Nguyên Hùng - TGD	33,8	6	0,9	182,52	TGD từ 1/7-31/12

TT	Họ và Tên	Lương, thù lao/tháng	Số tháng thực hiện	Hệ số điều chỉnh theo 01/2020/NQ-TVĐ1-ĐHĐCĐ	Tổng tiền lương, thù lao thực trả	Ghi chú
3	Ông Trần Thái Hải -TV HĐQT (chuyên trách)	29,9	12	0,9	322,92	
4	Ông Nguyễn Đức Tuấn-TV HĐQT (chuyên trách)	29,9	12	0,9	322,92	
5	Ông Nguyễn Đức Thành TV HĐQT độc lập	5,98	12	0,9	64,584	
6	Bà Cao Thúy Nga - Trưởng BKS (chuyên trách)	24	12	0,9	259,2	
7	Ông Mai Hữu Thung - KSV không chuyên trách	4,8	12	0,9	51,84	
8	Bà Nguyễn Hoàng Điệp - KSV không chuyên trách	4,8	12	0,9	51,84	
9	Ông Nguyễn Hữu Chinh - PTGD	29,9	12	0,9	322,92	TV HĐQT ch. trách: 01/01-30/6 Phó TGD: 1/7-31/12
10	Ông Đặng Hoàng Cẩm - PTGD	29,9	12	0,9	322,92	
11	Ông Lê Minh Tuấn - PTGD	29,9	12	0,9	322,92	
12	Ông Dương Anh Tuấn - Q.Kế toán trưởng	27,3	12	0,9	294,84	
	Tổng cộng				2.746,87	

3.2. Các khoản lợi ích khác: Không

3.3. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không

3.4. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty nghiêm túc thực hiện các quy định về quản trị công ty.

VIII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Thông tin về đơn vị kiểm toán độc lập

- Tên: Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
- Trụ sở chính : Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Phone: (84.24) 3824 1990 Fax: (84.24) 3825 3973
- Website: www.aasc.com.vn
- Kiểm toán viên chính thực hiện kiểm toán cho Công ty:
- Bà Đoàn Thị Thúy - Kiểm toán viên, Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0937-2018-002-1.
- Bà Cáp Thị Hà - Phó Tổng Giám đốc, Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0725-2018-002-1. Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

2. Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

2.1. Trách nhiệm của Kiểm toán viên:

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

2.2. Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến:

- Tại thời điểm 01/01/2020 và 31/12/2020, Công ty vẫn còn một số khoản nợ phải thu, phải trả chưa có đủ hồ sơ, đối chiếu, xác nhận và quá hạn thanh toán cụ thể như sau:

Diễn giải	Tại 01/01	Tại 31/12
+ Nợ phải thu chưa đối chiếu, xác nhận (tỷ đồng)	67,2	73,5
+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán (tỷ đồng)	172,4	220,2
+ Nợ phải trả chưa đối chiếu, xác nhận (tỷ đồng)	76,4	97,8

Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán nhưng không thu thập được đầy đủ các bằng chứng để có thể đưa ý kiến về sự phù hợp của các khoản mục này, không xác định được số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập cũng như số lãi quá hạn phải trả có thể phát sinh đối với các khoản nợ quá hạn phải trả là bao nhiêu.

- Tại thời điểm 01/01/2020 và 31/12/2020, trên khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty còn nhiều công trình tồn đọng từ nhiều năm, đồng thời Công ty chưa ghi nhận đầy đủ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán nhưng không thể xác định được số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại thời điểm đầu năm và cuối năm, cũng như không xác định được tính chính xác của Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm 01/01/2020 và 31/12/2020 với số tiền tương ứng là 491,91 tỷ đồng và 404,97 tỷ đồng và giá vốn dịch vụ tư vấn khảo sát thiết kế công trình điện trong năm nay và các năm trước của Công ty.

3. Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính Công ty mẹ

3.1. Trách nhiệm của Kiểm toán viên:

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

3.2. Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến:

- Tại thời điểm 01/01/2020 và 31/12/2020, Công ty vẫn còn một số khoản nợ phải thu, phải trả chưa có đủ hồ sơ, đối chiếu, xác nhận và quá hạn thanh toán”. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán nhưng không thu thập được đầy đủ các bằng chứng để có thể đưa ra ý kiến về sự phù hợp của các khoản mục

này, không xác định được số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập cũng như số lãi quá hạn phải trả có thể phát sinh đối với các khoản nợ quá hạn phải trả là bao nhiêu.

- Tại thời điểm 01/01/2020 và 31/12/2020, trên khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty còn nhiều công trình tồn đọng từ nhiều năm, đồng thời Công ty chưa ghi nhận đầy đủ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán nhưng không thể xác định được số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại thời điểm đầu năm và cuối năm, cũng như không xác định được tính chính xác của Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm 01/01/2020 và 31/12/2020 với số tiền tương ứng là 455,3 tỷ đồng và 373,6 tỷ đồng và giá vốn dịch vụ tư vấn khảo sát thiết kế công trình điện trong năm nay và các năm trước của Công ty.

- Tại thời điểm 01/01/2020 và 31/12/2020, tại các công ty con của Công ty còn tồn tại các khoản Công nợ phải thu quá hạn thanh toán chưa được trích lập dự phòng với số tiền lần lượt là 52,2 tỷ đồng và 69,6 tỷ đồng. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán nhưng không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề này đến chỉ tiêu Vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính của các Công ty con, do đó không đánh giá được ảnh hưởng đến dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty.

4. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (mã CK TV1) đã báo cáo, công bố thông tin toàn văn Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán số 290321.021/BCTC.KT7 và số 290321.022/BCTC.KT7 ngày 29/03/2021 tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và được đăng tải tại địa chỉ Website: <http://www.peccl.com.vn> của Công ty ngày 30/03/2021.

Ý kiến của đơn vị kiểm toán độc lập về Báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được đăng trên Tạp chí Chứng khoán, Cơ quan của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Bộ Tài Chính.

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2021

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tài Anh